

Ngày 20 tháng 04 năm 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY
BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCCK TP.HCM**

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HỒ CHÍ MINH

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

Mã chứng khoán: ACC

Địa chỉ trụ sở chính: Lô D_3_CN, Đường N7, KCN Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0274.3567.200

Fax: 0274.3567.201

Người thực hiện CBTT: Ông Nguyễn Bảo Long Chức vụ: Người đại diện theo pháp luật

Loại thông tin công bố: định kỳ bất thường 24 giờ theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2024.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 20/04/2025 tại đường dẫn: www.becamexacc.com.vn/vi/quan-he-co-dong.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**CTY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Tài liệu đính kèm

Báo cáo thường niên năm 2024



NGUYỄN BẢO LONG

Công Ty Cổ
Phần Đầu
Tư và Xây
Dựng Bình
Dương
ACC

Digitally signed by Công Ty Cổ
Phần Đầu Tư và Xây Dựng Bình
Dương ACC
DN: C=VN, S=BÌNH DƯƠNG, L=
Thành phố Bến Cát, CN=Công
Ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây
Dựng Bình Dương ACC,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=
MST:3700926112
Reason: I am the author of this
document
Location:
Date: 2025.04.20
22:21:36
+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 12.1.1



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG
BÌNH DƯƠNG ACC**



I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

Tên tiếng anh : **ACC BINH DUONG INVESTMENT AND CONSTRUCTION
JOINT STOCK COMPANY**

Tên viết tắt : **BÌNH DƯƠNG ACC**

Giấy CNĐKDN : 3700926112

Vốn điều lệ : 1.049.999.930.000 (Một nghìn không trăm bốn mươi chín tỷ chín trăm chín mươi chín triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng)

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 1.047.384.275.181 (Một nghìn không trăm bốn mươi bảy tỷ ba trăm tám mươi bốn ngàn hai trăm bảy mươi lăm nghìn một trăm tám mươi một đồng)

Địa chỉ : Lô D_3_CN, đường N7, Khu công nghiệp Mỹ Phước, Phường Mỹ Phước, Thành phố Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Điện thoại : 0274 3567200

Fax : 0274 3567201

Email : becamexacc@gmail.com

Website : www.becamexacc.com.vn

Mã cổ phiếu : ACC



❖ Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC (tên cũ là: Công ty Cổ phần Bê tông Becamex) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa 2 Xí nghiệp Bê tông nhựa nóng và Xí nghiệp công bê tông cốt thép trực thuộc Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - TNHH Một Thành Viên (nay là Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP) theo Quyết định số 631/QĐ-UBND ngày 05/3/2008 của UBND tỉnh Bình Dương.

Công ty chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/7/2008 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700926112 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 03/6/2008 với vốn điều lệ 60.000.000.000 đồng.

Ngày 11/6/2009, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700926112 (cấp thay đổi lần thứ 1) bổ sung ngành nghề kinh doanh.

Năm 2009, Công ty đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM, ngày giao dịch đầu tiên là ngày 22/12/2009.

Năm 2010, Công ty phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 100.000.000.000 đồng. Ngày 05/11/2010, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700926112 (cấp thay đổi lần thứ 2).

Ngày 21/5/2012, Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700926112 (cấp thay đổi lần thứ 3) bổ sung ngành nghề kinh doanh.

Ngày 22/5/2014, Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700926112 (cấp thay đổi lần thứ 4) bổ sung ngành nghề kinh doanh và thay đổi địa chỉ trụ sở chính Công ty.

Ngày 28/6/2014, Công ty mua 65.900 cổ phiếu BHCC của Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Thủy lợi Bình Dương và ngày 30/7/2015 Công ty nhận được 19.770 cổ phiếu thưởng BHCC nâng tổng số cổ phiếu nắm giữ lên 85.670 cổ phiếu, chiếm 10,98% vốn điều lệ.

Ngày 10/7/2014, Công ty mua thêm 1.245.000 cổ phiếu HJC của Công ty Cổ phần Bệnh Viện Mỹ Phước nâng tổng số cổ phiếu nắm giữ lên 2.490.000 cổ phiếu, chiếm 12,45% vốn điều lệ.

Ngày 19/6/2015, Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700926112 (cấp thay đổi lần thứ 5) thay đổi Tổng giám đốc - Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Ngày 01/7/2015, Công ty mua 900.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Đá ốp lát An Bình (ABG), chiếm 60% vốn điều lệ và trở thành Công ty mẹ của ABG.

Ngày 09/5/2016, Công ty nhận được Giấy xác nhận về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương.

Trong năm 2017, Công ty đã góp vốn lần 2 tại Công ty Cổ phần Đá Ốp lát An Bình với 450.000 cổ phần do Công ty này phát hành cho cổ đông hiện hữu, nâng tổng số cổ phần sở hữu lên 1.350.000 cổ phần.

Ngày 01/02/2019, Tổng Công ty Becamex IDC bán toàn bộ 7.336.704 cổ phần Công ty Cổ phần Bê tông Becamex mà mình sở hữu cho cổ đông khác.

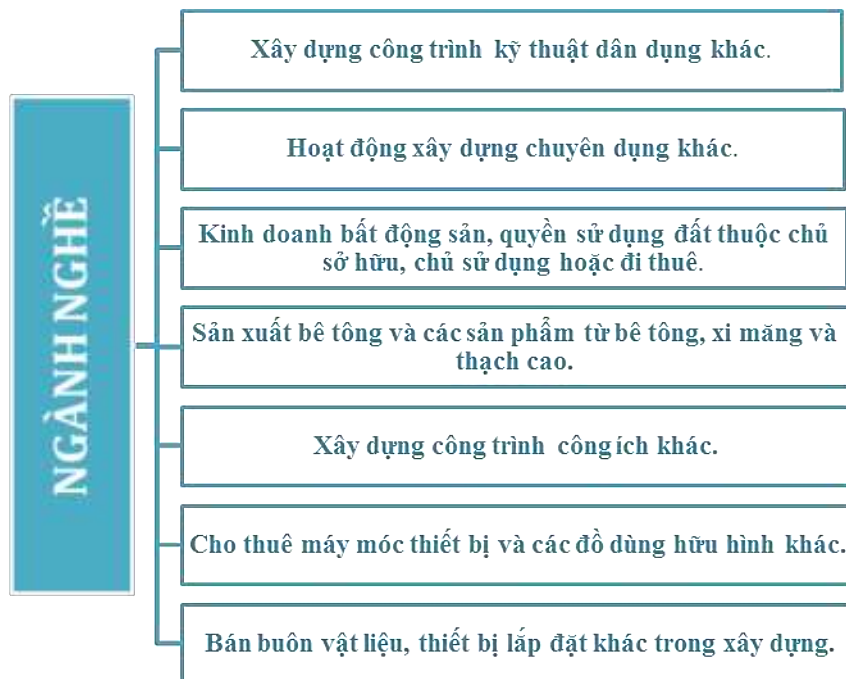
Ngày 10/05/2019, Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700926112 (cấp thay đổi lần thứ 6) Công ty Cổ phần Bê tông Becamex đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC, ông Phạm Xuân Phương - Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Ngày 21/12/2020, Công ty kết thúc đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng nhằm tăng vốn điều lệ. Ngày 09/02/2021, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700926112 (cấp thay đổi lần thứ 7) tăng vốn điều lệ thành 300.000.000.000 đồng.

Ngày 9/4/2021, Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700926112 (cấp thay đổi lần thứ 8) ông Nguyễn Bảo Long - Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Ngày 15/2/2022, Công ty kết thúc đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng nhằm tăng vốn điều lệ. Ngày 24/2/2022, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700926112 (cấp thay đổi lần thứ 9) tăng vốn điều lệ thành 1.049.999.930.000 đồng.

2. Ngành nghề kinh doanh chính



❖ Địa bàn kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC trong địa bàn tỉnh Bình Dương, Bình Phước và một số tỉnh lân cận.

Trong năm 2023, mở rộng ra các tỉnh phía Bắc – điển hình là dự án tại VSIP Bắc Ninh.



3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

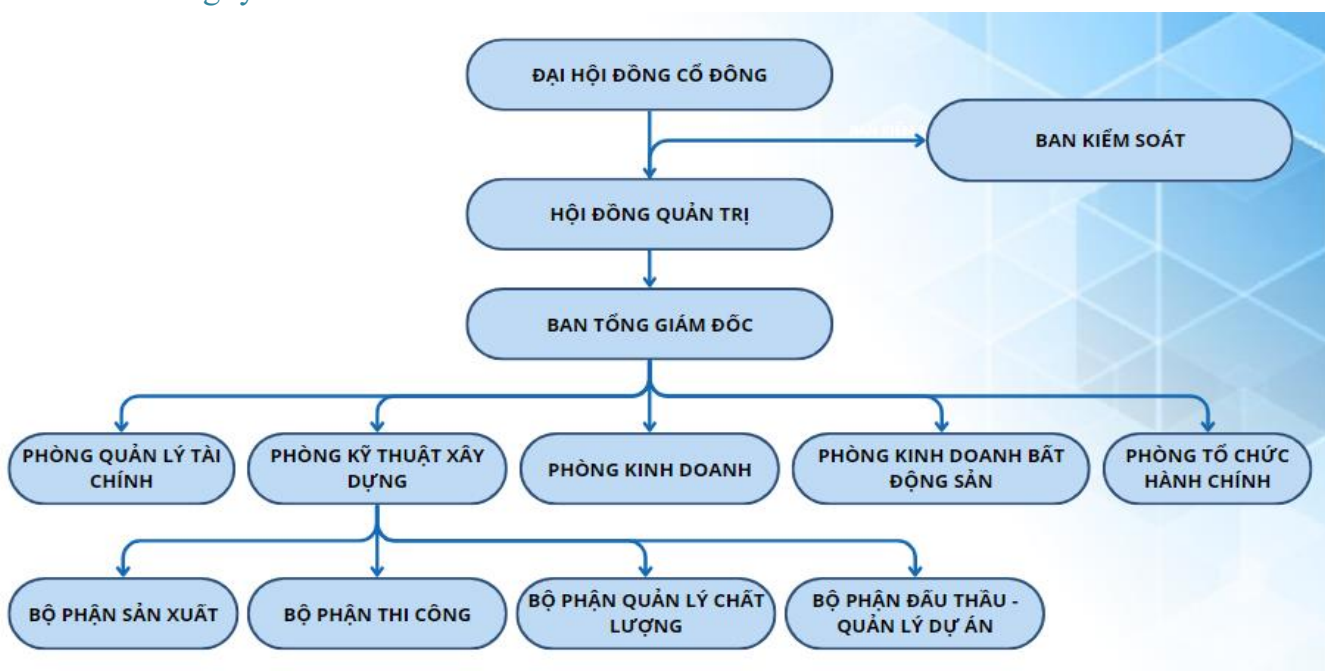
Mô hình quản trị

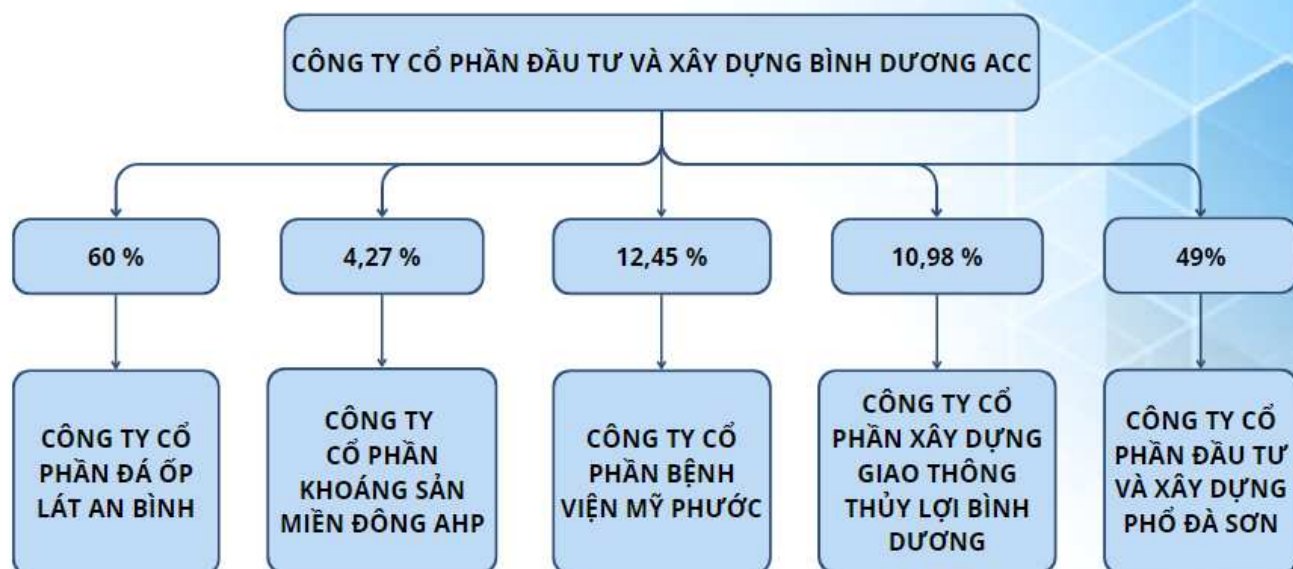
Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC hiện nay đang hoạt động dưới mô hình Công ty cổ phần. Mô hình quản trị này được xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển chiến lược kinh doanh của Công ty, tuân thủ theo các quy định của Pháp luật Việt Nam và các quy định tại Điều lệ Công ty. Mô hình tổ chức của Công ty như sau:

- ❖ **Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ):** là cơ quan có thẩm quyền cao nhất trong Công ty, có nhiệm vụ thông qua các báo cáo của HĐQT về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư, tiến hành thảo luận thông qua, bổ sung, sửa đổi Điều lệ Công ty; thông qua các chiến lược phát triển; bầu, bãi nhiệm HĐQT, Ban Kiểm soát, và quyết định bộ máy tổ chức của Công ty và các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- ❖ **Hội đồng quản trị (HĐQT):** Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, cơ cấu Hội đồng quản trị hiện tại gồm có 5 thành viên.
- ❖ **Ban kiểm soát:** Là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Ban kiểm soát Công ty gồm 3 thành viên.
- ❖ **Ban Tổng Giám đốc:** Bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc điều hành hoạt động sản xuất của Công ty; thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua.

Cơ cấu bộ máy quản lý

Sơ đồ công ty





❖ Công ty con

Công ty cổ phần Đá Ốp Lát An Bình (ABG)

Vốn điều lệ	22.500.000.000 đồng (Hai mươi hai tỷ năm trăm triệu đồng)
Tỷ lệ góp vốn	1.350.000 cổ phần, chiếm 60% vốn điều lệ
Địa chỉ trụ sở	Thửa đất số 350, tờ bản đồ địa chính số 71, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương
Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Cắt tạo đá và hoàn thiện đá; Sản xuất vật liệu xây dựng không nung; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (Hoạt động đập vỡ, nghiền đá)

❖ Công ty liên kết, công ty đầu tư, góp vốn

➤ **Công ty cổ phần Khoáng Sản Miền Đông AHP (BMJ)**

Vốn điều lệ	1.049.999.780.000 đồng (Một nghìn không trăm bốn mươi chín tỷ chín trăm chín mươi chín triệu bảy trăm tám mươi ngàn đồng chẵn)
Tỷ lệ góp vốn	4.479.600 cổ phần, chiếm 4,27%/vốn điều lệ (Ngày 01/4/2022, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC đã chuyển nhượng 4.479.600 quyền mua cổ phiếu BMJ, do đó đã giảm tỷ lệ sở hữu từ 14,93%/vốn điều lệ còn 4,27%/vốn điều lệ)
Địa chỉ trụ sở	Số 112/125, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương
Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Khai thác khoáng sản (trừ khai thác cát). Sản xuất vật liệu xây dựng. Mua bán vật liệu xây dựng, khoáng sản. Kinh doanh vận tải hàng hóa. San lấp mặt bằng. Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

tầng khu công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị, Kinh doanh bất động sản. Cho thuê nhà ở, căn hộ, nhà xưởng và văn phòng. Dịch vụ nhà ở công nhân.

➤ Công ty cổ phần Bệnh Viện Mỹ Phước (HJC)

Vốn điều lệ	200.000.000.000 đồng (Hai trăm tỷ đồng)
Tỷ lệ góp vốn	2.490.000 cổ phần, chiếm 12,45% vốn điều lệ
Địa chỉ trụ sở	Thửa đất số 2292, tờ bản đồ số 58, Đường TC 3, tổ 6, khu phố 3, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương
Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Hoạt động của bệnh viện; Hoạt động của phòng khám chữa bệnh; Bán buôn dược phẩm; Bán buôn máy móc, thiết bị y khoa

➤ Công ty cổ phần Xây Dựng Giao Thông Thủy Lợi Bình Dương (BHCC)

Vốn điều lệ	7.800.000.000 (Bảy tỷ tám trăm triệu đồng)
Tỷ lệ góp vốn	85.670.000 cổ phần, chiếm 10,98% vốn điều lệ
Địa chỉ trụ sở	Số 225, Đường 30 Tháng 4, phường Phú Thọ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Thi công xây dựng các công trình giao thông, dân dụng, công cộng, công nghiệp, thủy lợi, cấp thoát nước, bưu điện; Xây lắp điện trung hạ thế (đến 35KVA), hệ thống chiếu sáng, đèn tín hiệu và biển báo giao thông; Trồng cây đô thị; Dịch vụ sơn kẽ vạch phân luồng bằng sơn nóng; Thẩm tra thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán các công trình giao thông, thủy lợi, dân dụng, công cộng, công nghiệp, thủy lợi, cấp thoát nước, bưu điện và công trình xây lắp điện trung thế; Thiết kế xây dựng cầu, đường bộ.

➤ Công ty cổ phần Đầu Tư Và Xây Dựng Phố Đà Sơn

Vốn điều lệ	800.000.000.000 đồng (Tám trăm tỷ đồng)
Tỷ lệ góp vốn	39.200.000 cổ phần, chiếm 49 % vốn điều lệ
Địa chỉ trụ sở	Thửa đất số Ô 62, Lô K32, tờ bản đồ số 1-KTĐC Mỹ Phước III, Ấp 2, Phường Thới Hòa, Thành Phố Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (thực hiện theo quy hoạch của tỉnh).

4. Định hướng phát triển

❖ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Đa dạng hóa sản phẩm và dịch vụ: Công ty cam kết phát triển và mở rộng danh mục sản phẩm, dịch vụ với mức giá cạnh tranh, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng. Đồng thời, tối đa hóa lợi nhuận và mang lại giá trị bền vững cho cổ đông.

Mở rộng và củng cố thị trường: Duy trì và phát triển thị trường truyền thống, đồng thời đẩy mạnh khai thác thị trường mới. Chúng tôi cam kết cung cấp sản phẩm chất lượng cao, dịch vụ chuyên nghiệp, đáp ứng tối đa yêu cầu và lợi ích của khách hàng với tinh thần trách nhiệm cao.

Cam kết chất lượng: Với phương châm "Chất lượng cho mọi công trình", công ty không ngừng đổi mới và sáng tạo nhằm mang đến các sản phẩm đạt tiêu chuẩn cao về kỹ thuật, thẩm mỹ và an toàn.

Phát triển ngành nghề cốt lõi và mở rộng lĩnh vực kinh doanh: Tận dụng thế mạnh trong các ngành nghề chủ lực, công ty tiếp tục phát triển đa dạng các dòng sản phẩm hiện có với tiêu chuẩn chất lượng cao. Đồng thời, mở rộng sang lĩnh vực kinh doanh bất động sản, mang lại giá trị tối ưu cho khách hàng, đối tác và cổ đông

Tăng cường năng lực tài chính: Củng cố nền tảng tài chính vững mạnh, đảm bảo khả năng chủ động về nguồn vốn đầu tư, từ đó duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định và phát triển bền vững.

Đổi mới và phát triển nguồn nhân lực: Không ngừng nâng cao năng lực quản trị, đào tạo và phát triển đội ngũ nhân sự chất lượng cao. Công ty cam kết đóng góp vào sự phát triển chung của tỉnh nhà, đồng thời tạo việc làm ổn định, nâng cao thu nhập và phúc lợi cho người lao động.

❖ Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Cam kết chất lượng – Nền tảng phát triển bền vững: Công ty kiên định theo đuổi chính sách "Chất lượng cho mọi công trình", trong đó việc không ngừng cải tiến chất lượng sản phẩm và công trình là chiến lược xuyên suốt. Chúng tôi luôn đổi mới, áp dụng công nghệ tiên tiến nhằm nâng cao tiêu chuẩn kỹ thuật, đảm bảo chất lượng và giá trị lâu dài cho khách hàng.

Tăng cường quảng bá thương hiệu Công ty chú trọng xây dựng và phát triển hình ảnh thương hiệu thông qua việc khẳng định uy tín, chất lượng sản phẩm và dịch vụ. Đặc biệt, trong

giai đoạn phát triển sản phẩm mới, chúng tôi ứng dụng công nghệ hiện đại nhằm gia tăng sản lượng, mở rộng quy mô, tối ưu hóa hiệu quả đầu tư và triển khai đúng thời điểm.

Mở rộng đầu tư bất động sản công nghiệp và nhà ở Đẩy mạnh hợp tác đầu tư, phát triển bất động sản công nghiệp tại tỉnh Bình Dương và các tỉnh thành trên toàn quốc. Là chủ đầu tư các dự án nhà ở tại thị xã Bến Cát và thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Phát triển ngành nghề kinh doanh chủ lực Tập trung phát triển và mở rộng các ngành nghề kinh doanh chủ lực, bao gồm: Sản xuất và thi công bê tông nhựa; Sản xuất cống và cấu kiện bê tông các loại; Thi công xây dựng dân dụng và hạ tầng kỹ thuật.

Chiến lược huy động vốn Công ty sử dụng linh hoạt các nguồn vốn để đảm bảo tài chính cho hoạt động đầu tư, bao gồm: Vốn tự có; Vốn huy động từ phát hành cổ phiếu, trái phiếu; Vốn vay ngân hàng và các nguồn tài trợ khác.

Phát triển nguồn nhân lực Công ty chú trọng hoạch định chiến lược nhân sự theo hướng đào tạo chuyên sâu và có chọn lọc. Việc phát triển đội ngũ cán bộ, công nhân viên theo lộ trình bài bản sẽ đảm bảo tính kế thừa, ổn định và phát triển bền vững trong dài hạn.

❖ *Các mục tiêu phát triển bền vững*

Nhận thức rõ rằng phát triển bền vững không chỉ gắn liền với hoạt động sản xuất, kinh doanh mà còn phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật về quyền lợi người lao động và bảo vệ môi trường, Bình Dương ACC luôn nỗ lực không ngừng để mở rộng mạng lưới tiêu thụ, cải thiện chính sách phúc lợi, đảm bảo thu nhập ổn định và nâng cao trình độ nhân sự. Chúng tôi đặc biệt chú trọng phát triển nguồn nhân lực và thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường một cách toàn diện.

Bình Dương ACC cam kết duy trì nghiêm ngặt các tiêu chuẩn về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ trong toàn bộ hệ thống nhà máy và công trình thi công. Chúng tôi tuân thủ tuyệt đối các quy tắc an toàn trong sản xuất, định kỳ kiểm tra và bảo trì máy móc, thiết bị thi công, phương tiện vận tải nhằm đảm bảo hoạt động ổn định, hiệu quả. Đồng thời, công tác phân loại và xử lý chất thải luôn được thực hiện theo đúng quy định, góp phần bảo vệ môi trường và hướng đến sự phát triển bền vững lâu dài.

5. Các yếu tố rủi ro

❖ Rủi ro đặc thù ngành:

Hoạt động trong lĩnh vực xây dựng Công ty sẽ gặp phải những rủi ro về đặc thù ngành như sau:

Rủi ro cạnh tranh:

Trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam hội nhập sâu rộng với kinh tế thế giới, doanh nghiệp đối mặt với áp lực mở cửa thị trường và yêu cầu tạo sân chơi bình đẳng cho mọi loại hình kinh doanh. Trước thách thức này, Bình Dương ACC tập trung đẩy mạnh nghiên cứu, mở rộng thị trường mới nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh về giá và thị phần trong ngành. Hiện nay, công ty đang chịu áp lực cạnh tranh rất lớn từ các doanh nghiệp cùng lĩnh vực.

Để ứng phó với rủi ro này, Bình Dương ACC không ngừng củng cố hoạt động, tối ưu hóa quản trị chi phí để giảm giá thành sản phẩm, dự trữ nguyên liệu chính và đa dạng hóa nguồn cung nhằm giảm sự phụ thuộc vào nhà cung cấp hiện tại. Đồng thời, công ty mở rộng sự hiện diện trên thị trường, phân loại khách hàng để xây dựng chính sách bán hàng phù hợp. Trước áp lực cạnh tranh ngày càng gia tăng, Bình Dương ACC cũng chú trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đầu tư vào công nghệ sản xuất và thi công nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu thị trường.

Rủi ro về thị trường xây dựng và Bất động sản:

Ngành xây dựng và bất động sản chịu ảnh hưởng từ nhiều yếu tố bên ngoài, bao gồm biến động giá nguyên vật liệu, sự thay đổi cung cầu thị trường và chính sách tín dụng từ các ngân hàng. Những biến động này có thể tác động trực tiếp đến hoạt động đầu tư, sản xuất và thi công của công ty, gây ảnh hưởng đến tiến độ và hiệu quả kinh doanh.

Bên cạnh đó, công tác thu hồi công nợ và giải ngân cho các công trình sau thi công thường diễn ra chậm do thời gian thi công kéo dài. Quy trình nghiệm thu, bàn giao công trình thường bị trì hoãn so với kế hoạch ban đầu, trong khi quá trình hoàn tất hồ sơ thi công và quyết toán giữa chủ đầu tư và nhà thầu kéo dài, gây áp lực lên dòng vốn lưu động. Những thách thức này ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng quay vòng vốn, tác động đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của công ty.

Rủi ro về an toàn lao động:

Với đặc thù ngành nghề, Bình Dương ACC đặc biệt chú trọng đến công tác đảm bảo an toàn lao động. Công ty thường xuyên tổ chức các khóa tập huấn về an toàn vệ sinh lao động định kỳ, trang bị đầy đủ đồ bảo hộ lao động theo quy định cho toàn bộ nhân viên. Ban An toàn Lao động của công ty thực hiện kiểm tra công tác an toàn lao động hàng tuần tại các công trường và nhà máy, đồng thời thường xuyên truyền thông đến người lao động về các quy định, quy trình an toàn. Những biện pháp này nhằm giảm thiểu tối đa nguy cơ tai nạn lao động trong quá trình sản xuất và thi công, đảm bảo một môi trường làm việc an toàn và hiệu quả.

Rủi ro pháp luật:



Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC là một công ty đại chúng, hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh, chịu sự điều chỉnh từ hệ thống Luật và văn bản dưới luật liên quan như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Đầu tư, Luật Xây dựng, ... và hơn hết, trong thực tiễn áp dụng sẽ không tránh khỏi những bất cập giữa các quy định, các văn bản pháp luật khác nhau. Do đó, việc vận dụng không phù hợp và không kịp thời sẽ tạo ra những rủi ro pháp lý trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

Vì vậy, Công ty luôn chấp hành đúng theo những quy định pháp luật, để hạn chế tối đa việc ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, uy tín doanh nghiệp cũng như các vấn đề pháp lý liên quan. Bên cạnh đó, Công ty luôn có ý thức chủ động cập nhật và tìm hiểu thông tin pháp lý liên quan đến nền kinh tế và đặc thù ngành, để chủ động điều chỉnh cơ chế vận hành cho phù hợp với pháp luật, tránh những rủi ro đáng tiếc có thể tác động xấu đến tình hình kinh doanh của doanh nghiệp.

Rủi ro khác:

Ngoài những rủi ro kể trên, Công ty luôn có ý thức phòng tránh các rủi ro bất khả kháng như: chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh... Những rủi ro này mặc dù rất hiếm khi xảy ra, nhưng khi xảy ra có thể gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Duy trì thường xuyên việc kiểm tra hệ thống phòng chống cháy nổ tại Công ty, tham gia ký kết các hợp đồng bảo hiểm để phòng ngừa và giảm thiểu tối đa những tổn thất lớn có thể xảy ra.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2024

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh chủ yếu như sau:

❖ **Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC**

ĐVT: Đồng

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH NĂM 2024	THỰC HIỆN NĂM 2024	TỶ LỆ TH/KH
1	Tổng doanh thu	1.096.201.813.175	647.499.797.237	59%
	<i>Sản xuất, kinh doanh & thi công BTNN</i>	<i>453.701.615.165</i>	<i>202.839.365.761</i>	<i>45%</i>
	<i>Xây dựng hạ tầng kỹ thuật, DD và CN</i>	<i>353.527.384.793</i>	<i>31.569.730.343</i>	<i>9%</i>
	<i>Công BTCT, cấu kiện BTĐS</i>	<i>93.343.446.586</i>	<i>29.714.901.089</i>	<i>32%</i>
	<i>Doanh thu cung cấp HHDV, cho thuê XMTB</i>	<i>180.000.000.000</i>	<i>383.375.800.044</i>	<i>213%</i>
	<i>Doanh thu hoạt động tài chính</i>	<i>14.239.800.000</i>	<i>14.372.962.324</i>	<i>101%</i>
	<i>Thu nhập khác</i>	<i>1.000.000.000</i>	<i>68.425.708.039</i>	<i>6843%</i>
2	Tổng chi phí	973.331.063.506	690.224.500.081	71%
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	137.278.971.307	66.613.193.573	49%
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	109.823.177.046	51.958.205.008	47%

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán)

❖ **Công ty Cổ phần Đá ốp lát An Bình (ABG)**

ĐVT: Đồng

STT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN NĂM 2024
1	Tổng doanh thu	64.160.016.586
1.1	<i>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV</i>	<i>63.910.924.321</i>
1.2	<i>Doanh thu từ hoạt động tài chính</i>	<i>243.153.166</i>
1.3	<i>Thu nhập khác</i>	<i>5.939.099</i>
2	Tổng chi phí	63.201.132.445
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	958.884.141
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	553.310.021

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán)

➤ Kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2024

ĐVT: Đồng

STT	CHỈ TIÊU	KH HỢP NHẤT NĂM 2024	TH HỢP NHẤT NĂM 2024	TỶ LỆ TH/KH
1	Tổng doanh thu	1.104.898.246.544	783.071.673.140	71%
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	138.878.971.307	67.572.077.714	49%
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	111.103.177.046	52.511.515.029	47%
3.1	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	110.591.177.046	52.290.191.021	47%
3.2	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	512.000.000	221.324.008	43%

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán)

➤ Tình hình đầu tư, góp vốn

Tính đến thời điểm 31/12/2024, tỷ lệ đầu tư góp vốn vào các Công ty như sau:

Công ty	BMJ	ABG	HJC	BHCC	PHỔ ĐÀ SƠN
Số cổ phần sở hữu	4.479.600	1.350.000	2.490.000	85.670	39.200.000
Tỷ lệ sở hữu/Vốn điều lệ	4,27%	60%	12,45%	10,98%	49%

2. Tổ chức và nhân sự**❖ Danh sách Ban điều hành****ÔNG: NGÔ ANH QUÂN**

Chức vụ : Tổng giám đốc

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Công Nghệ Thông Tin

Tỷ lệ cổ phần nắm giữ (tính đến ngày 27/3/2025): 0 cổ phần, chiếm 0%.

Quá trình công tác:

Từ 08/2008 - 05/2016: Quản trị Mạng tại Công ty Tư vấn đầu tư phát triển và xây dựng Thikeco

Từ 06/2016 - 01/2017: Quản lý Công nghệ thông tin tại Công ty Cổ phần FINTEC

Từ 02/2017 - 06/2020: Quản lý Tổ Chức - nhân sự - Công nghệ thông tin tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hà Nội (HCI)

Từ 06/2020 - 03/2021: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC ; Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP.

Từ 03/2021 - nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác (tính đến ngày 31/12/2024): Quản lý Tổ Chức - nhân sự - Công nghệ thông tin tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hà Nội (HCI); Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP.

ÔNG: NGUYỄN ĐỨC THUẬN

Chức vụ : Phó Tổng giám đốc

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư kinh tế xây dựng

Tỷ lệ cổ phần nắm giữ (tính đến ngày 27/3/2025): 0 cổ phần, chiếm 0%.

Quá trình công tác:

Từ 05/2005 - 05/2009: Kế hoạch dự án Công ty Thi công cơ giới 1 – Cienco 1.

Từ 06/2009 - 06/2010: Trưởng phòng kinh tế - kế hoạch Công ty Thi công cơ giới 1 – Cienco 1.

Từ 07/2010- 06/2014 : Trưởng phòng kinh tế - kế hoạch Ban điều hành dự án Công ty Thi công cơ giới 1 – Cienco 1.

Từ 07/2014 - 04/2016 : Nhân viên phòng kế hoạch thống kê Công ty Thi công cơ giới 1 – Cienco 1.

Từ 04/2016 - 12/2017: Trưởng phòng kế hoạch – Thi công Công ty TNHH ĐT TM& XD Hùng Anh(Chuyên xây dựng nhà, hoàn thiện nhà).

Từ 01/2018 - 03/2019 : Phó phòng kế hoạch thống kê Công ty Thi công cơ giới 1 – Cienco 1.

Từ 04/2019 - 11/2020: Trưởng phòng Dự án kế hoạch/ Phó tổng phụ trách dự án Công ty CP ĐT Tân Minh.

Từ 12/2020 – 01/2021: Trưởng phòng Kinh doanh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC.

Từ 02/2021 – nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác (tính đến ngày 31/12/2024): Không có.

ÔNG: PHAM HỮU NGUYỄN

Chức vụ : Phó Tổng giám đốc

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng

Tỷ lệ cổ phần nắm giữ (tính đến ngày 27/3/2025): 0 cổ phần, chiếm 0%.

Quá trình công tác:

Từ tháng 01/2014 – 3/2017: Kỹ sư xây dựng tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1.

Từ tháng 4/2017 – 12/2017: Nhân viên Công ty Cổ phần Phát triển Xây dựng và Thương mại Việt Hàn.

Từ tháng 13/3/2020 - 14/12/2020: Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng kỹ thuật xây dựng Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC.

Từ 15/12/2020 - nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác (tính đến ngày 31/12/2024): Trưởng phòng kế hoạch – kỹ thuật Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hà Nội.

BÀ: NGUYỄN THỊ THÚY VÂN

Chức vụ : Phó Tổng giám đốc tài chính

Trình độ chuyên môn : Quản trị kinh doanh, Kế toán - Kiểm toán.

Tỷ lệ cổ phần nắm giữ (tính đến ngày 27/3/2025): 2.450 cổ phần, chiếm 0,0023%.

Quá trình công tác:

Ngày 01/04/2003: Kế toán tại Xí nghiệp Bê tông nhựa nóng trực thuộc Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công Nghiệp - CTCP.

Từ tháng 7/2008 đến tháng 2/2009: Kế toán kiêm thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Bê tông Becamex.

Từ tháng 3/2009 đến ngày 28/2/2011: Phụ trách phòng kinh doanh kiêm thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Bê tông Becamex.

Từ 01/3/2011 đến 31/7/2015: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Bê tông Becamex.

Từ 01/8/2015 đến 13/5/2019: Phó Tổng giám đốc phụ trách Phòng quản lý tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Bê tông Becamex.

Từ 14/5/2019 đến 31/12/2020: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC.

Từ 01/01/2021 đến nay: Phó TGD tài chính Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác (tính đến ngày 31/12/2023): Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP, Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước.

ÔNG: PHẠM HUY HẬU

Chức vụ : Kế toán trưởng

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế.

Tỷ lệ cổ phần nắm giữ (tính đến ngày 27/3/2025): 0 cổ phần, chiếm 0%.

Quá trình công tác:

Từ 1987 – 1990: Kế toán tại Công ty thủy sản đông lạnh Năm Căn, Cà Mau.

Từ 1991 – 1996: Kế toán Công ty xuất nhập khẩu thủy sản Minh Hải, Cà Mau.

Từ 1997 – 2000: Cán bộ Cục Quản lý vốn Minh Hải.

Từ 2000 – 2001: Kế toán Công ty Cổ phần XNK Thủy sản Tác Vân, Cà Mau.

Từ 2002 – 2005: Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH Thương mại – Xây dựng và Kinh doanh nhà Nam Việt.

Từ 2005 – 2007: Kế toán trưởng Công ty TNHH Bao bì Việt – thuộc Daso Group.

Từ 2008 – 9/2009: Kế toán trưởng Công ty liên doanh tư vấn thiết kế và kỹ thuật xây dựng M.E.I

Từ 9/2009 - 03/2021: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương.

14/5/2019 - 31/12/2020: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC.

Từ 01/2021 - nay: Kế toán trưởng Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Từ 23/11/2023 – nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác (tính đến ngày 31/12/2024): Thành viên BKS Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP.

❖ Những thay đổi trong ban điều hành

Trong năm có sự thay đổi trong Ban điều hành như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Xuân Cường	Phó Tổng giám đốc	Miễn nhiệm kể từ ngày 31/7/2024

❖ Số lượng cán bộ công nhân viên tính đến 31/12/2024

Chỉ tiêu	Năm 2024	
	Số lượng (Người)	Tỷ trọng (%)
Theo trình độ	127	100
Cao học	2	1,2%
Đại học	30	17,6%
CD & TC	11	6,5%
CN Kỹ thuật	32	18,8%
Lao động phổ thông	95	55,9%
Theo hợp đồng	127	100
HĐLĐ không xác định thời hạn	96	56,5%
HĐLĐ có thời hạn	74	43,5%
HĐLĐ thử việc	0	0

❖ Những thay đổi trong các chính sách quản lý nhân sự

Chính sách tuyển dụng và đào tạo:

Đánh giá nguồn nhân lực và bố trí sắp xếp lại theo yêu cầu công việc, thực hiện tuyển dụng theo đúng quy trình, quy định đảm bảo chất lượng đầu vào và có chính sách thu hút nhân lực có trình độ cao, nhiều kinh nghiệm.

Luôn chú trọng công tác đào tạo người lao động để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ nhằm đáp ứng nhu cầu công việc. Quản lý và sử dụng lao động linh hoạt, hợp lý trên cơ sở khối lượng công việc của Công ty.

Thực hiện đầy đủ các chế độ phù hợp quy định của Bộ luật Lao động, Luật BHXH và các quy định pháp luật hiện hành.

Chính sách lương thưởng - phúc lợi:

Đặc thù tính chất ngành xây dựng là ngành thâm dụng về lao động, vì thế trong các năm vừa qua, Công ty luôn đảm bảo các lợi ích của nhân viên khi làm việc và cống hiến tại Công ty, cụ thể:

- Cải thiện chính sách lương phù hợp với từng vị trí công việc nhằm ghi nhận năng lực và kết quả công việc của người lao động, đồng thời tạo động lực khuyến khích cán bộ nhân viên phát huy năng lực, trách nhiệm để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc.

- Có chế độ đãi ngộ hợp lý đối với những nhân viên có năng lực quản lý, điều hành góp phần mang lại lợi ích cho Công ty.

- Chính sách chăm lo đời sống cho nhân viên cũng được Công ty chú trọng phát huy như: Lương tháng 13; tổ chức các chương trình thường niên dành cho nhân viên nữ; quà cho con em cán bộ công nhân viên nhân ngày 1/6... Ngoài ra, do tính chất đặc thù của ngành nghề kinh doanh, Công ty có các khoản phụ cấp phù hợp cho nhân viên công tác tại các công trình như: phụ cấp đi lại, phụ cấp công tác, phụ cấp đặc biệt cho các công trình xa, phụ cấp bằng hiện vật.

- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC luôn chú trọng thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động về bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm tai nạn...theo quy định hiện hành của pháp luật. Phối hợp với tổ chức đoàn thể thăm hỏi đối với nhân viên ốm đau, hiếu, hỷ, thai sản...

- Thường xuyên khảo sát môi trường làm việc để kịp thời xem xét, thay đổi cho phù hợp, đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

- ❖ **Các khoản đầu tư lớn:** *Không có*
- ❖ **Các dự án trong năm:** *Không có*

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024**❖ Các công ty con, công ty liên kết, công ty đầu tư góp vốn**

Đvt: Đồng

ST T	CHỈ TIÊU	CÔNG TY CON				
		ABG	BMJ	HJC	BHCC	PHỐ ĐÀ SƠN
1	Vốn góp của Công ty đến thời điểm 31/12/2024	13.666.500.000	47.134.351.200	24.900.000.000	1.647.500.000	392.000.000.000
2	Tổng giá trị tài sản	24.501.781.026	1.646.524.044.872	387.613.749.592	-	802.890.333.291
3	Doanh thu thuần	63.910.924.321	535.069.458.414	260.741.781.556	-	-
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2.021.931.497	60.782.982.759	52.877.663.072	-	-
5	Lợi nhuận khác	1.063.047.356	(33.758.541)	61.269.137.799	-	-
6	Lợi nhuận trước thuế	958.884.141	60.749.224.218	8.391.474.727	-	-
7	Lợi nhuận sau thuế	553.310.021	48.543.083.451	3.668.889.036	-	-

4. Tình hình tài chính**❖ Tình hình tài chính Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC**

ĐVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu tài chính	Năm 2023	Năm 2024
1	Tổng giá trị tài sản	2.339.386.257.568	2.976.545.643.522
2	Doanh thu thuần	641.048.299.417	674.039.023.291
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	68.098.232.541	61.663.147.244
4	Lợi nhuận khác	18.297.647.410	4.950.046.329
5	Lợi nhuận trước thuế	86.395.879.951	66.613.193.573
6	Lợi nhuận sau thuế	69.072.087.900	51.958.205.008

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán)

❖ Tình hình tài chính hợp nhất

ĐVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu tài chính	Năm 2023	Năm 2024
1	Tổng giá trị tài sản	2.352.042.742.360	2.987.376.803.268
2	Doanh thu thuần	651.590.436.819	700.023.910.512
3	LN từ hoạt động kinh doanh	69.435.127.904	63.685.078.741
4	LN khác	17.906.576.595	3.886.998.973
5	LN trước thuế	87.341.704.499	67.572.077.714
6	LN sau thuế	70.154.709.497	52.511.515.029

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

❖ Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu Công ty mẹ

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,96	1,16
+ Hệ số thanh toán nhanh	0,82	0,49
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+ Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	0,45	0,55
+ Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	0,83	1,24
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
+ Vòng quay hàng tồn kho:	0,54	0,57
+ Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	0,29	0,25
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	11%	8%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	5,6%	4,0%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	3,1%	2,0%
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	11%	9%

❖ Chỉ tiêu tài chính Hợp nhất

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,98	1,18
+ Hệ số thanh toán nhanh	0,84	0,50
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+ Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	0,45	0,55
+ Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	0,83	1,24
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
+ Vòng quay hàng tồn kho	0,55	0,59
+ Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	0,29	0,26
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	10,8%	8%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	5,6%	4,0%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	3,2%	2,0%
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	11%	9%

5. Cơ cấu cổ đông

❖ Cổ phần

Nội dung	Chi tiết	Tỷ lệ
Mã CK	ACC	
Mệnh giá	10.000 đồng/Cổ phần	
Thị trường niêm yết	Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh	
Tổng số cổ phần đang lưu hành	104.999.993	100%
Loại cổ phần	Cổ phần phổ thông	

- Tất cả số cổ phần đang lưu hành đều là cổ phần phổ thông.
- Số cổ phần chuyên nhượng tự do: 104.999.493 cổ phần.
- Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 500 cổ phần.

❖ Cơ cấu cổ đông: (Theo Danh sách cổ đông ACC chốt ngày 27/03/2025)

	Số lượng	Số CP SH	Tỷ lệ
Cá nhân trong nước	1220	45.719.772	43,54%
+ Chưa lưu ký	19	58.300	0,06%
+ Đã lưu ký	1201	45.661.472	43,49%
Tổ chức trong nước	6	51.225.090	48,79%
+ Chưa lưu ký	0	0	-
+ Đã lưu ký	6	51.225.090	48,79%
CỘNG TRONG NƯỚC	1226	96.944.862	92,33%
+ Chưa lưu ký	19	58.300	0,06%
+ Đã lưu ký	1207	96.886.562	92,27%
Cá nhân nước ngoài	26	245.146	0,23%
+ Chưa lưu ký	0	0	-
+ Đã lưu ký	26	245.146	0,23%
Tổ chức nước ngoài	10	7.809.985	7,44%
+ Chưa lưu ký	0	0	-
+ Đã lưu ký	10	7.809.985	7,44%
CỘNG NƯỚC NGOÀI	36	8.055.131	7,67%
+ Chưa lưu ký	0	0	-
+ Đã lưu ký	36	8.055.131	7,67%
TỔNG CỘNG	1262	104.999.993	100%

❖ Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Thời điểm	Giá trị thay đổi	Vốn điều lệ sau khi thay đổi (đồng)	Phương thức thay đổi
Năm 2008	60.000.000.000		Thành lập
Năm 2010	40.000.000.000	100.000.000.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và cho người lao động theo chương trình ESOP
Năm 2021	200.000.000.000	300.000.000.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu
Năm 2022	749.999.930.000	1.049.999.930.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu

❖ **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không có giao dịch

❖ **Các chứng khoán khác:** Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

Việt Nam là một trong những quốc gia chịu nhiều ảnh hưởng lớn từ thiên tai và biến đổi khí hậu, là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, Công ty phải luôn hướng đến trách nhiệm đối với môi trường và xã hội, thực hiện sản xuất, thi công đúng quy trình để đưa ra các sản phẩm đảm bảo tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường, đây cũng là một trong những định hướng phát triển bền vững của Công ty.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC luôn chú trọng hình ảnh và uy tín của mình trên thị trường, do đó tất cả các dự án mà Công ty thực hiện luôn cố gắng giảm thiểu tối đa các tác động ảnh hưởng đến môi trường do hoạt động sản xuất, thi công của Công ty đem lại.

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Hoạt động của doanh nghiệp có những tác động ảnh hưởng ít nhiều đến môi trường và ngược lại tác động của môi trường cũng tạo nên những thuận lợi hay khó khăn nhất định cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ý thức được rõ những tác động mà hoạt động sản xuất kinh doanh gây ra cho môi trường, Công ty đã thực hiện nhiều biện pháp nhằm quản lý và sử dụng tốt nhất nguồn nguyên vật liệu để giảm thiểu tối đa những ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường xung quanh.

6.2. Tiêu thụ năng lượng điện

Điện (KWh)		Tỷ lệ 2024/2023
2023	2024	
642.030	540.136	-16%

Nhận thức rõ tầm quan trọng của vấn đề tiêu thụ năng lượng, Ban lãnh đạo Công ty luôn tìm hiểu, áp dụng các phương án sử dụng năng lượng hiệu quả nhất để tiết kiệm năng suất tiêu thụ điện nhằm đảm bảo được an ninh năng lượng Nhà nước, tiết giảm chi phí cho doanh nghiệp như: tắt tắt cả các thiết bị điện văn phòng, nhà máy khi không có nhu cầu sử dụng nhằm giảm thiểu chi phí, tiết kiệm năng lượng, sử dụng các thiết bị điện như đèn chiếu sáng, máy lạnh....dòng tiết kiệm điện.

6.3. Tiêu thụ nước

Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

Hiện tại Công ty đang sử dụng nguồn nước tại Xí nghiệp cấp nước Khu liên hợp – Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương, lượng nước tiêu thụ trong năm 2024 là 540,33 m³.

Chính sách sử dụng tiết kiệm nguồn nước

Tại các công trình thi công, Công ty luôn triển khai các giải pháp đảm bảo việc sử dụng nước hiệu quả và tiết kiệm nhất, triển khai áp dụng các biện pháp tái sử dụng nước nếu có thể.

Đội bảo trì thường xuyên kiểm tra và khắc phục đường ống dẫn nước khi có sự cố để tránh rò rỉ, thất thoát nguồn tài nguyên nước.

Tận dụng nguồn nước từ sông Thị Tính để bảo dưỡng cống bê tông cốt thép, tưới cây xanh, chống bụi khu vực xung quanh trạm sản xuất và nhà máy.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty luôn tuân thủ các yêu cầu luật định liên quan đến tác động môi trường, là một trong những yếu tố cấu thành hành động và trách nhiệm với môi trường và xã hội. Trong hoạt động kinh doanh của mình, Công ty luôn xem xét các tiêu chí Xanh là một trong những yêu cầu đối với công tác thiết kế và thi công trên công trường đảm bảo công tác bảo vệ môi trường tại các khu vực thi công và các vùng lân cận, nhờ đó làm tăng giá trị doanh nghiệp đối với khách hàng và góp phần bảo vệ môi trường một cách thiết thực hơn.

Duy trì thường xuyên công tác đảm bảo vệ sinh an toàn trong các nhà máy sản xuất, kiểm tra định kỳ các hạng mục xử lý chất thải theo đúng quy định.

Bình Dương ACC cam kết toàn thể nhân viên Công ty nhận thức và hành động hoàn toàn tuân thủ các quy định của pháp luật về công tác bảo vệ môi trường.

Số lần vi phạm và tổng số tiền bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường

Trong năm 2024 và các năm trước đó, Công ty luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp luật về môi trường vì vậy Công ty chưa từng bị xử phạt do không tuân thủ pháp luật về môi trường.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

❖ Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Tổng số lao động của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2024 là 127 người. Thu nhập bình quân 10.330.609 đồng/người/năm.

❖ Trình độ chuyên môn chia ra như sau

Trình độ trên đại học: 2 người, chiếm 1,2% Tổng lao động.

Trình độ Đại học: 30 người, chiếm 17,6% Tổng lao động.

Trình độ Cao đẳng và trung cấp: 11 người, chiếm 6,5% Tổng lao động.

Trình độ sơ cấp, chứng chỉ nghề và công nhân kỹ thuật: 32 người, chiếm 18,8% Tổng lao động.

Lao động phổ thông: 95 người, chiếm 55,9% Tổng lao động.

Công ty luôn hướng đến việc xây dựng môi trường lao động tốt, đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động theo đúng quy định của pháp luật như: Chính sách lương, chế độ bảo hiểm, phúc lợi phù hợp, đảm bảo mức thu nhập tương đối cho người lao động.

❖ Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Luôn chú trọng giải quyết đủ việc làm và thanh toán lương đầy đủ cho người lao động. Bên cạnh đó còn có chế độ phụ cấp độc hại bằng hiện vật cho người lao động làm việc trong môi trường nặng nhọc, độc hại.

Nhân dịp Tết Nguyên Đán hằng năm, Công đoàn Công ty tổ chức tặng cho toàn thể nhân viên những phần quà nhằm chăm lo đầy đủ phúc lợi cho người lao động.

❖ Hoạt động đào tạo người lao động

Tập trung công tác đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, bổ sung đội ngũ CBCNV đáp ứng yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ, chú trọng bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý tiềm năng đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty.

Định kỳ hàng năm tất cả nhân viên được tham dự khóa huấn luyện an toàn vệ sinh lao động và tập huấn PCCC có sự hướng dẫn của Công An PCCC tỉnh Bình Dương.

Xem xét cử nhân viên tham gia các lớp đào tạo chuyên môn, kỹ năng liên quan đến hoạt động doanh nghiệp nhằm nâng cao tay nghề, chuyên môn, nghiệp vụ khi có nhu cầu.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty luôn tuân thủ các chính sách tại địa phương hoạt động với mong muốn góp một phần vào sự phát triển chung của xã hội. Cam kết với định hướng phát triển bền vững bằng tất cả trách nhiệm và đạo đức kinh doanh của một doanh nghiệp, đề cao giá trị doanh nghiệp trong mối quan hệ với sự phát triển tốt đẹp của cộng đồng và xã hội.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Xác định năng lực, giá trị cốt lõi của doanh nghiệp để xác định và lựa chọn sản phẩm mục tiêu để phát triển.

Tìm kiếm, xây dựng các mối liên kết và phát triển mạng lưới cung ứng.

Đào tạo nguồn nhân lực, xây dựng văn hóa doanh nghiệp, đề cao trách nhiệm của doanh nghiệp đối với xã hội.

Bảo vệ môi trường là hành động mang tính cấp thiết nhằm xây dựng môi trường Xanh - Sạch - Đẹp. Xác định đây là tiêu chí quan trọng trong phương hướng và chiến lược xây dựng xã hội văn minh, cuộc sống xanh.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm 2024, với sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, sự nỗ lực của Ban Tổng giám đốc cùng toàn thể nhân viên đã đem lại kết quả kinh doanh cụ thể như sau:

ĐVT: Đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	Tỷ lệ TH/KH
1	Tổng doanh thu	1.096.201.813.175	647.499.797.237	59%
	<i>Sản xuất, kinh doanh & thi công BTNN</i>	<i>453.701.615.165</i>	<i>202.839.365.761</i>	<i>45%</i>
	<i>Xây dựng hạ tầng kỹ thuật, DD và CN</i>	<i>353.527.384.793</i>	<i>31.569.730.343</i>	<i>9%</i>
	<i>Công BTCT, cấu kiện BTĐS</i>	<i>93.343.446.586</i>	<i>29.714.901.089</i>	<i>32%</i>
	<i>Doanh thu cung cấp HHDV, cho thuê XMTB</i>	<i>180.000.000.000</i>	<i>383.375.800.044</i>	<i>213%</i>
	<i>Doanh thu hoạt động tài chính</i>	<i>14.239.800.000</i>	<i>14.372.962.324</i>	<i>101%</i>
	<i>Thu nhập khác</i>	<i>1.000.000.000</i>	<i>68.425.708.039</i>	<i>6843%</i>
2	Tổng chi phí	958.922.841.868	690.224.500.081	72%
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	137.278.971.307	66.613.193.573	49%
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	109.823.177.046	51.958.205.008	47%

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán

Năm 2024, nền kinh tế có dấu hiệu khởi sắc nhưng thị trường xây dựng và bất động sản – lĩnh vực có tác động lớn đến hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn chưa phục hồi mạnh mẽ. Nhiều dự án bất động sản bị đình trệ hoặc giãn tiến độ, dẫn đến nhu cầu tiêu thụ

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

giảm sút. Bên cạnh đó, giá nguyên vật liệu đầu vào như xi măng, cát, đá, phụ gia tăng cao, trong khi chi phí vận chuyển cũng chịu áp lực lớn do giá nhiên liệu không ổn định. Bên cạnh đó, lãi suất và tỷ giá biến động, cùng với các tác động từ môi trường kinh tế toàn cầu đã ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động của doanh nghiệp.

Tuy nhiên, với sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng Quản trị cùng với tinh thần đoàn kết, nỗ lực không ngừng của toàn thể cán bộ, công nhân viên, doanh nghiệp đã từng bước vượt qua thách thức và đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Mặc dù chưa hoàn thành toàn bộ kế hoạch đề ra, nhưng những thành tựu đạt được vẫn thể hiện sự linh hoạt và hiệu quả trong chiến lược quản trị.

Kế hoạch đầu tư kinh doanh bất động sản:

- Dự án Khu dân cư áp 5C Thới Hòa. Địa điểm thực hiện dự án: Áp 5C, phường Thới Hòa, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Quy mô dự án: Tổng diện tích đất thực hiện khoảng 147.895,6 m²; Dự án đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục pháp lý cần thiết để được cấp phép và xây dựng trong thời gian tới theo kế hoạch do Công ty đề ra.

❖ Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		Biến động	
	Số tiền (đồng)	Tỷ trọng (%)	Số tiền (đồng)	Tỷ trọng (%)	Số tiền (đồng)	Tỷ lệ (%)
A. Tài sản ngắn hạn	1.727.192.489.570	100%	1.728.607.061.155	100%	1.414.571.585	0,1%
1. Tiền	18.275.839.817	1%	36.009.341.896	2%	17.733.502.079	1%
2. Các khoản phải thu ngắn hạn	677.398.714.568	39%	597.650.804.027	35%	(79.747.910.541)	-5%
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	447.803.247.729	26%	385.098.670.205	22%	(62.704.577.524)	-4%
Trả trước cho người bán	65.923.304.314	4%	57.883.770.245	3%	(8.039.534.069)	0%
Phải thu về cho vay ngắn hạn	158.810.185.346	9%	149.050.000.000	9%	(9.760.185.346)	-1%
Phải thu ngắn hạn khác	5.473.712.384	0%	6.421.773.182	0%	948.060.798	0%
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(611.735.205)	0%	(803.409.605)	0%	(191.674.400)	0%
3. Hàng tồn kho	1.003.050.490.697	58%	999.157.711.500	58%	(3.892.779.197)	0%
4. Tài sản ngắn hạn khác	28.467.444.488	2%	95.789.203.732	6%	67.321.759.244	4%
Chi phí trả trước ngắn hạn	1.668.422.929	0%	3.434.891.686	0%	1.766.468.757	0%

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Thuế GTGT được khấu trừ	26.795.667.421	2%	92.351.101.908	5%	65.555.434.487	4%
B. Tài sản dài hạn	612.193.767.998	100%	1.247.938.582.367	100%	635.744.814.369	104%
1. Các khoản phải thu dài hạn	100.000.000.000	16%		0%	(100.000.000.000)	-16%
2. Tài sản cố định	8.239.116.331	1%	6.245.290.122	1%	(1.993.826.209)	0%
TSCĐ hữu hình	8.239.116.331	1%	6.245.290.122	1%	(1.993.826.209)	0%
Nguyên giá	112.588.941.375		112.588.941.375		-	
Giá trị hao mòn lũy kế	(104.349.825.044)		(106.343.651.253)		(1.993.826.209)	
TSCĐ vô hình	-	0%	-	0%	-	0%
Nguyên giá	1.709.431.617		1.709.431.617		-	
Giá trị hao mòn lũy kế	(1.709.431.617)		(1.709.431.617)		-	
3. Tài sản dở dang dài hạn	392.613.285.108	64%	739.623.825.549	59%	347.010.540.441	57%
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn						
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang						
4. Đầu tư tài chính dài hạn	85.880.851.200	14%	477.700.851.200	38%	391.820.000.000	64%
Đầu tư vào công ty con	13.666.500.000	2%	13.666.500.000	1%	-	0%
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	73.681.851.200	12%	73.681.851.200	6%	-	0%
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(1.647.500.000)	0%	(1.647.500.000)	0%	-	0%
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	180.000.000	0%		0%	(180.000.000)	0%
5. Tài sản dài hạn khác	25.460.515.359	4%	24.368.615.496	2%	(1.091.899.863)	0%
Chi phí trả trước dài hạn						
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại						
TỔNG TÀI SẢN	2.339.386.257.568		2.976.545.643.522		637.159.385.954	
C. Nợ phải trả	1.063.659.819.432	100%	1.649.897.081.697	100%	586.237.262.265	55%
1. Nợ ngắn hạn	881.210.928.174	83%	1.488.613.550.156	90%	607.402.621.982	57%
Phải trả người bán ngắn hạn	197.906.925.016	19%	796.062.004.678	48%	598.155.079.662	56%
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	60.010.371.179	6%	108.887.069.412	7%	48.876.698.233	5%

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	6.792.652.390	1%	2.844.957.711	0%	(3.947.694.679)	0%
Phải trả người lao động	3.174.785.658	0%	1.273.503.302	0%	(1.901.282.356)	0%
Chi phí phải trả ngắn hạn	2.172.580.961	0%	1.796.237.358	0%	(376.343.603)	0%
Phải trả ngắn hạn khác	11.768.570.164	1%	11.028.335.247	1%	(740.234.917)	0%
Vay ngắn hạn	596.761.945.346	56%	564.747.451.934	34%	(32.014.493.412)	-3%
Dự phòng phải trả ngắn hạn	2.593.225.218	0%	1.260.097.393	0%	(1.333.127.825)	0%
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	29.872.242	0%	713.893.121	0%	684.020.879	0%
2. Nợ dài hạn	182.448.891.258	17%	161.283.531.541	10%	(21.165.359.717)	-2%
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	173.119.625.000	16%	151.894.999.999	9%	(21.224.625.001)	-2%
Dự phòng phải trả dài hạn	9.329.266.258	1%	9.388.531.542	1%	59.265.284	0%
D. Vốn chủ sở hữu	1.275.726.438.136	100%	1.326.648.561.825	100%	50.922.123.689	4%
Vốn góp chủ sở hữu	1.049.999.930.000	82%	1.049.999.930.000	79%	-	0%
Thặng dư vốn cổ phần	(2.615.654.819)	0%	(2.615.654.819)	0%	-	0%
Vốn khác chủ sở hữu	9.055.511.950	1%	9.055.511.950	1%	-	0%
Quỹ đầu tư phát triển	56.123.821.471	4%	56.123.821.471	4%	-	0%
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	163.162.829.534	13%	214.084.953.223	16%	50.922.123.689	4%
<i>Lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>94.090.741.634</i>		<i>162.126.748.215</i>		<i>68.036.006.581</i>	
<i>Kỳ này</i>	<i>69.072.087.900</i>		<i>51.958.205.008</i>		<i>(17.113.882.892)</i>	
TỔNG NGUỒN VỐN	2.339.386.257.568		2.976.545.643.522		637.159.385.954	

2. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

❖ *Quản trị linh hoạt, tối ưu hiệu quả đầu tư*

- Thực hiện quản trị công ty theo tình hình thực tế từng thời điểm, kịp thời cập nhật nhu cầu thị trường.
- Đánh giá, đề xuất các phương án đầu tư khả thi, đảm bảo lợi nhuận cao nhất trên cơ sở cân đối nguồn lực, rủi ro và xu hướng phát triển.
- Tăng cường công tác phân tích thị trường, đánh giá hiệu quả đầu tư, tối ưu hóa danh mục đầu tư để tạo lợi thế cạnh tranh.

❖ *Đẩy mạnh tiếp thị, nâng cao chất lượng sản phẩm, xây dựng uy tín thương hiệu*

- Mở rộng mạng lưới phân phối, đa dạng hóa kênh tiếp cận khách hàng.
- Tập trung nghiên cứu và cải tiến sản phẩm, đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng cao và nhu cầu thị trường.
- Xây dựng chiến lược thương hiệu mạnh, nâng cao hình ảnh doanh nghiệp thông qua các hoạt động truyền thông, quảng bá.

❖ *Siết chặt quản lý chi phí, tối ưu hóa hiệu suất vận hành*

- Kiểm soát chặt chẽ các khoản chi phí vận hành, đảm bảo sử dụng ngân sách hợp lý, tránh lãng phí.
- Tăng cường ứng dụng công nghệ vào quản lý tài chính, kế toán, giúp minh bạch và tối ưu chi phí.
- Chú trọng bảo trì, bảo dưỡng định kỳ phương tiện vận chuyển, máy móc, thiết bị để nâng cao hiệu suất và kéo dài tuổi thọ tài sản.

❖ *Tuân thủ pháp luật, nâng cao tính minh bạch trong hoạt động quản lý*

- Đảm bảo toàn bộ hoạt động kinh doanh tuân thủ các quy định pháp luật, tiêu chuẩn ngành.
- Xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ chặt chẽ nhằm ngăn chặn sai phạm và giảm thiểu rủi ro pháp lý.
- Tăng cường báo cáo công khai, minh bạch tài chính và hoạt động kinh doanh.

❖ *Quản lý nhân sự hiệu quả, nâng cao chế độ đãi ngộ*

- Sử dụng lao động linh hoạt, hợp lý, bố trí đúng người đúng việc nhằm tối ưu năng suất.
- Xây dựng hệ thống lương thưởng theo hiệu quả công việc, đảm bảo cạnh tranh và công bằng.
- Thiết lập chế độ đãi ngộ hấp dẫn, tăng cường phúc lợi như bảo hiểm, hỗ trợ đào tạo, chương trình phát triển nghề nghiệp.
- Đề xuất tăng lương trước thời hạn cho những cá nhân có đóng góp xuất sắc, tạo động lực làm việc lâu dài.

❖ *Phát triển bền vững, bảo vệ môi trường và gắn kết cộng đồng*

- Đẩy mạnh áp dụng các giải pháp sản xuất xanh, tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu khí thải và chất thải.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

- Tăng cường trách nhiệm xã hội thông qua các chương trình hỗ trợ cộng đồng, bảo vệ môi trường.

- Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường trong toàn bộ hoạt động sản xuất và kinh doanh, hướng tới sự phát triển bền vững.

3. Kế hoạch phát triển trong năm 2025

Dự đoán tình hình thuận lợi và khó khăn trong năm 2024 cùng với tình hình thực tế tại Công ty trong thời gian qua, Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trình Đại hội đồng cổ đông kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 và đề ra phương hướng thực hiện cụ thể như sau:

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC:

ĐVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025
1	Tổng doanh thu	756.837.693.654	1.098.535.482.328
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	66.613.193.573	138.589.917.583
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	51.958.205.008	110.871.934.067

Nguồn: Dự thảo Tài liệu ĐHĐCĐTN năm 2025

4. Kế hoạch kinh doanh hợp nhất năm 2025

ĐVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện hợp nhất năm 2024	Kế hoạch hợp nhất năm 2025
1	Tổng doanh thu	783.071.673.140	1.165.403.482.328
1.1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	700.023.910.512	1.152.393.482.328
1.2	Doanh thu từ hoạt động tài chính	14.616.115.490	12.010.000.000
1.3	Thu nhập khác	68.431.647.138	1.000.000.000
2	Tổng chi phí	715.499.595.426	1.023.925.564.744
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	67.572.077.714	141.477.917.583
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	52.511.515.029	113.137.534.067

Nguồn: Dự thảo Tài liệu ĐHĐCĐTN năm 2025

Để đạt được kết quả sản xuất kinh doanh đề ra như trên, trong năm 2025 Ban Tổng giám đốc sẽ thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

❖ Mở rộng thị trường và nâng cao hiệu quả kinh doanh

- Duy trì và phát triển thị trường kinh doanh truyền thống, đảm bảo nguồn khách hàng ổn định.

- Tăng cường tiếp cận các dự án, công trình của các chủ đầu tư trong và ngoài tỉnh, mở rộng cơ hội hợp tác.

- Nâng cao hiệu quả công tác đấu thầu, gia tăng tỷ lệ trúng thầu và tối ưu hóa lợi nhuận.

❖ Tối ưu hóa quản lý sản xuất và thi công

- Chú trọng công tác hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu nhằm đảm bảo tính chủ động và hiệu quả trong sản xuất.

- Kiểm soát chặt chẽ các định mức về nguyên vật liệu, nhân công, ca máy..., hạn chế lãng phí và nâng cao hiệu suất hoạt động.

- Cải tiến quy trình sản xuất, thi công để đáp ứng yêu cầu tiến độ và chất lượng công trình.

❖ Ứng dụng khoa học công nghệ trong hoạt động sản xuất kinh doanh

- Nâng cao năng lực nghiên cứu, phát triển và ứng dụng các giải pháp khoa học, công nghệ vào sản xuất và quản lý.

- Tận dụng công nghệ để tối ưu hóa chi phí, nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ.

- Thúc đẩy đổi mới sáng tạo nhằm tăng sức cạnh tranh của Công ty trên thị trường.

❖ Phát triển đa ngành và nâng cao năng lực thích ứng

- Tận dụng cơ hội mở rộng hoạt động kinh doanh sang các lĩnh vực tiềm năng bên cạnh ngành nghề truyền thống.

- Nắm bắt thông tin thị trường, phân tích và đánh giá chính xác tình hình thực tế của Công ty để đưa ra chiến lược điều hành linh hoạt.

- Đảm bảo hoạt động kinh doanh phù hợp với định hướng và chỉ đạo của Hội đồng Quản trị.

❖ Nâng cao năng lực quản lý và phát triển nguồn nhân lực

- củng cố và nâng cao năng lực điều hành của Ban Tổng Giám đốc và đội ngũ quản lý các cấp.

- Đẩy mạnh đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ và tay nghề cho cán bộ, công nhân viên nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển.

- Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, tạo động lực để đội ngũ nhân sự phát huy tối đa năng lực.

❖ Đảm bảo an toàn lao động và bảo vệ môi trường

- Tăng cường công tác giám sát an toàn lao động, phòng chống cháy nổ trong toàn bộ quá trình sản xuất và thi công.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về bảo vệ môi trường, giảm thiểu tác động tiêu cực từ hoạt động sản xuất.

- Đảm bảo sự an toàn và sức khỏe cho người lao động, góp phần phát triển bền vững doanh nghiệp.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

HĐQT thống nhất với kết quả báo cáo của Ban Tổng giám đốc về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc đã phản ánh đầy đủ về các số liệu: sản xuất, doanh thu, lợi nhuận, các chỉ tiêu về tình hình tái sản...

Trong năm 2024, HĐQT đã rất quyết liệt chỉ đạo Ban điều hành thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh theo các chỉ tiêu kế hoạch được ĐHĐCĐ phê duyệt.

Được sự chỉ đạo sâu sát của HĐQT, với quyết tâm, nỗ lực đồng lòng của toàn thể người lao động và Ban lãnh đạo đã đem lại kết quả kinh doanh như sau:

ĐVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	Tỷ lệ TH/KH
1	Tổng doanh thu	1.096.201.813.175	756.837.693.654	69%
2	Lợi nhuận trước thuế	137.278.971.307	66.613.193.573	49%
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	109.823.177.046	51.958.205.008	47%

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Trong năm 2024, với vai trò, nghĩa vụ và quyền hạn của mình, Hội đồng quản trị đã tích cực trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, giám sát hoạt động của Tổng giám đốc và người điều hành khác, kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền về những mặt hoạt động sau:

- Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết Hội đồng quản trị.

- Giám sát việc tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các quy định pháp luật chuyên ngành liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế quản lý tài chính.

- Giám sát việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin nhằm đảm bảo thông tin được công bố chính xác, kịp thời và tuân thủ quy định pháp luật.

- Giám sát Ban Tổng giám đốc trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, giá thành, giá bán, đầu tư và sử dụng nguồn vốn, tình hình công nợ, đẩy mạnh công tác tìm kiếm khách hàng.

- Phối hợp tích cực với công tác kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát giúp Hội đồng quản trị theo dõi và nắm bắt tốt hơn tình hình hoạt động của Công ty để có thể đề ra các quyết sách kịp thời đảm bảo duy trì và tăng cường quản lý rủi ro cho Công ty.

Hội đồng quản trị đánh giá cao sự nỗ lực trong công tác quản trị, điều hành, bám sát Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Hội đồng quản trị, thực hiện nhiệm vụ trong năm 2024. Ban Tổng giám đốc luôn thực hiện đầy đủ việc cung cấp thông tin, tạo điều kiện cho Ban kiểm soát tiếp cận, kiểm tra tình hình tài chính và các hoạt động khác của Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024, dự báo những thuận lợi và khó khăn trong năm 2025, Hội đồng quản trị đề ra kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 trình Đại hội đồng cổ đông như sau:

❖ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 Công ty mẹ ACC:

ĐVT: Đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025
1	Tổng doanh thu	756.837.693.654	1.098.535.482.328
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	66.613.193.573	138.589.917.583
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	51.958.205.008	110.871.934.067

Nguồn: Dự thảo Tài liệu ĐHĐCĐTN năm 2025

❖ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 hợp nhất:

ĐVT: Đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025
1	Tổng doanh thu	783.071.673.140	1.165.403.482.328
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	67.572.077.714	141.477.917.583
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	52.511.515.029	113.137.534.067
3.1	Lợi ích cổ đông công ty mẹ	52.290.191.021	112.231.294.067
3.2	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	221.324.008	906.240.000

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán và Dự thảo Tài liệu ĐHĐCĐTN năm 2025

Để đạt được các mục tiêu chiến lược đề ra, Hội đồng Quản trị xác định các giải pháp trọng tâm như sau:

❖ Củng cố và phát triển thương hiệu

- Khẳng định uy tín trên thị trường thông qua việc phát huy thế mạnh trong các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi.
- Nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ nhằm gia tăng giá trị cho khách hàng, qua đó tạo lợi thế cạnh tranh bền vững.

❖ Mở rộng sản xuất và đầu tư công nghệ

- Đẩy mạnh mở rộng hoạt động sản xuất tại tỉnh Bình Dương và các khu vực lân cận.
- Đầu tư hiện đại hóa máy móc, thiết bị và nhà xưởng để nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.
- Ứng dụng công nghệ tiên tiến trong sản xuất vật liệu xây dựng, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

❖ Linh hoạt thích ứng với thị trường

- Theo dõi sát diễn biến thị trường, kịp thời điều chỉnh chiến lược kinh doanh phù hợp.
- Chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc xây dựng kế hoạch kinh doanh tối ưu, đảm bảo hiệu quả cao nhất trong mọi điều kiện thị trường.

❖ *Nâng cao năng lực quản lý và phát triển nguồn nhân lực*

- Củng cố năng lực lãnh đạo và điều hành của Ban Tổng Giám đốc cũng như các cấp quản lý.

- Tập trung đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn và tay nghề cho cán bộ, nhân viên và công nhân lao động.

❖ *Tăng cường kiểm soát rủi ro và quản trị doanh nghiệp*

- Đẩy mạnh công tác giám sát, kiểm tra để phát hiện, cảnh báo và ngăn ngừa rủi ro kịp thời.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động quản trị nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty.

❖ *Tối ưu hóa nguồn lực tài chính*

- Khai thác hiệu quả các nguồn vốn và quỹ hiện có.

- Đa dạng hóa các hình thức huy động vốn nhằm đảm bảo nguồn lực tài chính ổn định và bền vững.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY



1. Hội đồng quản trị

❖ Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

HĐQT được bầu bởi ĐHĐCĐ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

Nhiệm kỳ hiện tại của HĐQT (2023-2028) với số lượng 5 thành viên, trong đó cơ cấu: 1 Chủ tịch, 4 thành viên.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Thành viên	Chức danh	Sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Số lượng (Theo danh sách chốt ngày 27/3/2025)	Thời gian tham gia HĐQT
Nguyễn Bảo Long	Chủ tịch HĐQT	Sở hữu cá nhân	0 CP	Được bầu làm CT HĐQT kể từ ngày 28/4/2023
Ngô Anh Quân	Thành viên HĐQT	Sở hữu cá nhân	0 CP	Được bầu kể từ ngày 28/4/2023
Phạm Huy Hậu	Thành viên HĐQT	Sở hữu cá nhân	0 CP	Được bầu kể từ ngày 10/11/2023;
Nguyễn Thị Loan	Thành viên HĐQT độc lập	Sở hữu cá nhân	0 CP	Được bầu kể từ ngày 28/4/2023
Nguyễn Thị Thúy Vân	Thành viên HĐQT	Sở hữu cá nhân	2.450 CP	Được bầu kể từ ngày 28/4/2023

❖ *Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị*: Không có

❖ *Hoạt động của Hội đồng quản trị*

Trong năm 2024, Hội đồng quản trị tiếp tục tổ chức và triển khai các hoạt động được quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, cụ thể như sau:

- Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm.
- Triệu tập và chủ trì tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm, lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
- Tổ chức chỉ đạo thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo tài chính theo quy định.
- Tiếp tục chú trọng nâng cao chất lượng công tác quản trị từ các khâu: quản trị nhân sự, quản trị sản xuất, quản trị tài chính, quản trị rủi ro...
- Theo dõi sâu sát việc điều hành kinh doanh của Ban Tổng giám đốc, từ đó có những chỉ đạo và phê chuẩn kịp thời các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị tạo điều kiện cho Ban điều hành tổ chức thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh hiệu quả.
- Hội đồng quản trị luôn phối hợp chặt chẽ và tạo điều kiện để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ giám sát, kiểm tra, đặc biệt là việc kiểm tra công tác tài chính... Hầu hết các cuộc họp Hội đồng quản trị đều có sự tham gia của đại diện Ban kiểm soát.

Trong năm 2024, Hội đồng quản trị đã tổ chức **12** cuộc họp thông qua các chủ trương, vấn đề quan trọng đối với hoạt động và định hướng phát triển của Công ty, cụ thể như sau:

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/2024/NQ-HĐQT	31/01/2024	Thông qua việc Ban hành Quy chế Công bố thông tin
2	02/2024/NQ-HĐQT	04/3/2024	Thông qua ngày đăng ký cuối cùng, thời gian, địa điểm, nội dung tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.
3	03/2024/NQ-HĐQT	14/3/2024	Thông qua quan hệ tín dụng tại Ngân hàng First Commercial Bank – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.
4	04/2024/NQ-HĐQT	08/4/2024	Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 và dự thảo, chương trình, tài liệu đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024
5	05/2024/NQ-HĐQT	04/7/2024	Thông qua việc ký Hợp đồng cấp tín dụng với Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương
6	06/2024/NQ-HĐQT	31/07/2024	Thông qua việc thay đổi nhân sự, miễn nhiệm Phó Tổng Giám đốc Nguyễn Xuân Cường
7	07/2024/NQ-HĐQT	11/09/2024	Thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tây
8	08/2024/NQ-HĐQT	02/10/2024	Thông qua việc thay đổi nhân sự - Miễn nhiệm và bổ nhiệm Người phụ trách Quản trị Công ty
9	09/2024/NQ-HĐQT	11/10/2024	Thông qua việc vay vốn tại Ngân Hàng TNHH INDOVINA – Chi nhánh Phú Mỹ Hưng
10	10/2024/NQ-HĐQT	28/11/2024	Thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong chi nhánh Bình Dương – TPBank Thuận An
11	11/2024/NQ-HĐQT	16/12/2024	Thông qua việc CTCP Đầu tư và xây dựng Bình Dương ACC đầu tư mua cổ phần CTCP Kinh doanh bất động sản và Xây dựng Nguyên Việt và cổ phần CTCP Đầu tư và Xây dựng Phố Đà Sơn.
12	12/2024/NQ-HĐQT	30/12/2024	Thông qua giao dịch với các bên có liên quan

❖ Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Thành viên độc lập Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị. Đặc biệt với kinh nghiệm và chuyên môn trong quản lý kinh doanh và vai trò của mình trong Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị thực hiện giám sát

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

hoạt động của bộ máy quản lý, điều hành, nâng cao tính khách quan trong hoạt động của Hội đồng quản trị.

Tất cả các thành viên luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, chủ động, tích cực thực hiện nhiệm vụ đã được phân công. Trên cơ sở các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Hội đồng quản trị đã đề ra các giải pháp để chỉ đạo Ban điều hành tổ chức thực hiện kế hoạch năm 2024.

❖ *Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT: Không có*

❖ *Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty*

Hiện tại Thành viên HĐQT nhiệm kỳ mới chưa có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty. Công ty vẫn đang theo dõi thời gian tổ chức các khóa đào tạo để đăng ký tham gia và sẽ sớm bổ sung các chứng chỉ cần thiết để báo cáo Ủy Ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh.

2. Ban Kiểm soát

❖ *Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát*

Ban kiểm soát gồm 3 thành viên như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Ghi chú
Hoàng Văn Anh	Trưởng BKS	0	0%	Được bầu kể từ ngày 28/4/2023
Đào Huỳnh Kim	Thành viên BKS	0	0%	Được bầu kể từ ngày 28/4/2023
Nguyễn Minh Chí	Thành viên BKS	5.000	0,005%	Được bầu kể từ ngày 28/4/2023

❖ *Hoạt động của Ban kiểm soát*

Các cuộc họp của Ban kiểm soát

Trong năm 2024, BKS đã tổ chức 3 cuộc họp với sự tham gia đầy đủ của tất cả thành viên và thống nhất các vấn đề sau:

*Thẩm định Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2024 của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2024.

*Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

*Thông nhất Báo cáo của BKS về tình hình và kết quả hoạt động trong năm 2024 để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2024, BKS đã tiến hành kiểm tra, giám sát thông qua các mặt hoạt động chính như sau:

- Giám sát HĐQT về việc thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ, nghị quyết HĐQT, các quyền và nghĩa vụ được quy định tại các văn bản pháp luật, Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

- Giám sát Ban TGD, các cán bộ quản lý khác trong việc điều hành, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh, triển khai các công tác tìm kiếm khách hàng, mở rộng thị trường, giá thành, giá bán, công nợ, sử dụng nguồn vốn huy động...

- Giám sát quá trình tổ chức ĐHĐCĐ thường niên.

- Giám sát việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán TP HCM, cũng như đến các cổ đông tại trang thông tin điện tử của Công ty; giám sát việc thực hiện chế độ Báo cáo tài chính quý, Báo cáo tài chính năm 2024.

❖ Giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty

BKS đã kiểm tra, giám sát tình hình triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh; thẩm định các Báo cáo tài chính và thống nhất kết quả kinh doanh năm 2024 với một số chỉ tiêu chính như sau:

❖ Kết quả kinh doanh Công ty mẹ

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	Tỷ lệ TH/KH
1	Tổng doanh thu	1.096.201.813.175	756.837.693.654	69%
2	Tổng chi phí	958.922.841.868	690.224.500.081	72%
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	137.278.971.307	66.613.193.573	49%
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	109.823.177.046	51.958.205.008	47%

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán

Chỉ tiêu tổng doanh thu và lợi nhuận tuy không đạt kế hoạch đề ra nhưng là một kết quả đáng khích lệ trong hoàn cảnh kinh tế xã hội hiện nay của cả nước nói chung và của doanh nghiệp nói riêng.

Báo cáo tài chính năm 2024 được Công ty TNHH Kiểm toán An Việt kiểm toán đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. BKS thống nhất với nội dung của các Báo cáo tài chính trong năm 2023 của Công ty. Tuân thủ các quy định và thực hiện nghiêm túc nguyên tắc hạch toán, chế độ báo cáo tài chính.

❖ Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2024, Hội đồng quản trị tổ chức 12 phiên họp. Các phiên họp được tổ chức đúng trình tự, tuân thủ quy định.

Hội đồng quản trị thực hiện tốt vai trò, quyền hạn của mình trong việc hoạch định các chiến lược phát triển Công ty, các Nghị quyết được ban hành đúng thẩm quyền, dựa trên các căn cứ pháp lý phù hợp, kịp thời đáp ứng được yêu cầu thực tiễn kinh doanh và nhu cầu quản trị.

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo, giám sát Ban Tổng giám đốc trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, giá thành, giá bán, công tác nghiệm thu, thu hồi công nợ...

❖ Giám sát hoạt động của Tổng giám đốc và người điều hành khác

Trong năm HĐQT thường xuyên giám sát hoạt động của Ban TGD để đưa ra các chỉ đạo kịp thời, cụ thể như sau:

- Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ và các Nghị quyết HĐQT, cụ thể là tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2024, sắp xếp nhân sự đảm nhiệm các vị trí phù hợp, sử dụng nguồn vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hiện xin ý kiến hoãn chi trả cổ tức theo quy định, sử dụng đúng mục đích nguồn vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu, giao kết và thực hiện giao dịch với các bên có liên quan theo đúng ủy quyền,...

- Giám sát việc tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các quy định pháp luật chuyên ngành liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

- Giám sát việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin nhằm đảm bảo thông tin được công bố chính xác, kịp thời.

- Giám sát Ban TGD về việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh công tác mở rộng thị trường, tìm kiếm khách hàng.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

- Giám sát Ban TGD trong việc đầu tư và sử dụng nguồn vốn, giá thành, giá bán, tình hình công nợ; giám sát việc sử dụng các nguồn vốn huy động...

- Thông qua các cuộc họp HĐQT và các phương tiện thông tin khác như văn bản báo cáo định kỳ, thư điện tử, điện thoại ..., HĐQT và Ban TGD trao đổi ý kiến về các vấn đề quan trọng phát sinh, đánh giá công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh để từ đó có những phương án phù hợp giải quyết khó khăn gặp phải, nắm bắt cơ hội kinh doanh nhằm hoàn thành các mục tiêu ĐHCĐ đề ra.

❖ Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc và cổ đông

- HĐQT, Ban TGD và các cán bộ quản lý khác luôn tạo điều kiện cho BKS giám sát các hoạt động của Công ty, BKS nhận được đầy đủ và kịp thời các Nghị quyết của HĐQT và các thông tin khác khi có yêu cầu.

- Đại diện BKS tham dự hầu hết các cuộc họp HĐQT nhằm giám sát sự tuân thủ trình tự, thủ tục, thẩm quyền tại mỗi cuộc họp, đồng thời nắm bắt được tình hình hoạt động thực tế của Công ty để có những ý kiến trao đổi, từ đó công tác giám sát được tiến hành thuận lợi hơn.

- BKS được Ban TGD báo cáo đầy đủ các vấn đề quan trọng phát sinh trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong năm 2024, BKS không nhận được yêu cầu nào của cổ đông hoặc nhóm cổ đông gửi đến Công ty.

❖ Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Thành viên	Thù lao HĐQT, BKS năm 2024	Lương bình quân tháng trong năm 2024	Thưởng bình quân tháng trong năm 2024	Ghi chú
Hội đồng quản trị				
Nguyễn Bảo Long	51.800.000	540.000.000		
Đỗ Mạnh Cường	27.600.000			
Ngô Anh Quân	41.400.000	480.000.000	7.142.400	
Nguyễn Thị Loan	41.400.000			
Phạm Huy Hậu	13.800.000	416.000.000		
Ban kiểm soát				
Hoàng Văn Anh	41.400.000			
Nguyễn Minh Chí	27.600.000			

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Đào Huỳnh Kim	27.600.000			
Ban Tổng Giám đốc				
Nguyễn Xuân Cường		157.836.369		
Nguyễn Đức Thuận		432.159.493	14.334.400	
Nguyễn Thị Thúy Vân	41.400.000	432.681.571	27.040.800	
Phạm Hữu Nguyên		420.000.000		

❖ **Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của Công ty:** Không có

❖ **Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:**

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP	Tổ chức có liên quan của người nội bộ	3700927878 13/11/2023 Sở KH và ĐT tỉnh Bình Dương	Số 112/125, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	01/01/2024	Nghị quyết HĐQT số 18/2023/NQ-HĐQT ngày 30/12/2023	Phụ lục gia hạn hiệu lực cho Hợp đồng cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa đường N15 tại huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.
					01/01/2024		Phụ lục gia hạn hiệu lực cho Hợp đồng cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa đường N14 tại huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.
					01/01/2024		Phụ lục gia hạn hiệu lực cho Hợp đồng cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa đường D12, NF5, cụm 8 tại huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương
					01/01/2024		Phụ lục gia hạn hiệu lực cho Hợp đồng cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa C12,5 dày 6cm đường D8, D8A, D8B,

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
							N6, N6A, N6B tại huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương
					01/01/2024		Phụ lục gia hạn hiệu lực cho Hợp đồng cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa C12,5 dày 7cm đường N22 (Km1+16,96-Km1+815,67) tại huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương
					02/01/2024		Hợp đồng mua bán xi măng (tổng giá trị hợp đồng dựa vào khối lượng giao nhận thực tế nhân với đơn giá từng loại được hai bên thỏa thuận) (Xi măng Chinfon PCB40 xá): 1.544.400 đồng/tấn
					02/01/2024		Hợp đồng mua bán đá xây dựng , tổng giá trị: 132.447.788.660 đồng
					02/01/2024		Hợp đồng thuê xe tải bê tông nhựa: 93.272.727 đồng /tháng
					02/01/2024		Hợp đồng thuê máy xúc lật bánh lốp: 18.938.880 đồng/tháng

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
					08/01/2024		Mua bán đá xây dựng , tổng giá trị: 34.139.145.700 đồng
					10/01/2024		Phụ lục bổ sung khối lượng và điều chỉnh giá trị cho Hợp đồng thi công đường giao thông – hệ thống thoát nước đường N16A, D12, DF11, D1 tại Thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, tổng 19.582.799.701 đồng
					10/01/2024		Hợp đồng thi công dậm vá bê tông nhựa đường vào cổng nhà máy Công ty AHP, tổng giá trị: 214.465.968 đồng.
					12/01/2024		Mua bán đá xây dựng , tổng giá trị: 19.322.065.400 đồng
2	Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP	Tổ chức có liên quan của người nội bộ	3700927878 13/11/2023 Sở KH và ĐT tỉnh Bình Dương	Số 112/125, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	30/01/2024	Nghị quyết HĐQT số 18/2023/NQ-HĐQT ngày 30/12/2023	Phụ lục bổ sung khối lượng và điều chỉnh giá trị cho Hợp đồng mua bán đá xây dựng ngày 08/01/2024, tổng: 61.979.150.200 đồng
					01/02/2024		Phụ lục bổ sung khối lượng và điều chỉnh giá

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCD/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
							trị cho Hợp đồng mua bán đá xây dựng ngày 12/01/2024, tổng: 61.417.195.400 đồng
					10/4/2024	Nghị quyết HĐQT số 18/2023/NQ-HĐQT ngày 30/12/2023	Phụ lục điều chỉnh phương thức thanh toán cho Hợp đồng thi công cải tạo đường NA3 (đoạn từ vòng xoay Mỹ Phước 2 đến đường DA3) tại Thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.
				14/5/2024	Biên bản thanh lý hợp đồng mua bán xi măng (Xi măng Chinfon PC B40 xá) ngày 02/01/2024; giá trị thực hiện: 1.380.508.272 đồng.		
				16/5/2024	Hợp đồng mua bán xi măng (Xi măng Hạ Long PCB50 xá) (tổng giá trị hợp đồng dựa vào khối lượng giao nhận thực tế nhân với đơn giá từng loại được hai bên thỏa thuận): 1.498.800 đồng/tấn		
				17/5/2024	Hợp đồng thi công đổ bê tông vỉa hè các tuyến đường		

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
							32,19,34,21,27,46,44,48, 31, 43,29,33,37,45,41,60,N8, 58 khu tái định cư Phú Chánh B tại Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, tổng giá trị: 2.674.317.143 đồng
1	Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP	Tổ chức có liên quan của người nội bộ	3700927878 13/11/2023 Sở KH và ĐT tỉnh Bình Dương	Số 112/125, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	17/5/2024		Hợp đồng thi công đổ bê tông via hè các tuyến đường 93,94,97,99,104,106,100, 102,108,112,114,116,110 ,110B,110A,118 khu tái định cư Phú Chánh C tại Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, tổng giá trị: 5.002.837.869 đồng
					17/5/2024		Hợp đồng thi công đổ bê tông via hè các tuyến đường 75,78,79,80,81,86,84,85, 87, 88,92,91,90,95,96 khu tái định cư Phú Chánh C tại Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương: 5.111.631.732 đồng

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
					01/6/2024		Hợp đồng cung cấp công bê tông cốt thép, gói công và cung cấp, thi công thảm bê tông nhựa, tổng giá trị: 121.461.244.600 đồng
					20/5/2024		Hợp đồng cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa nóng đường DF4 (KM0+613,75- KM1+07,5; KM1+022,5- KM1+726,64) tại Lai Uyên, Bàu Bàng, Bình Dương, tổng giá trị: 5.241.099.185 đồng
					20/5/2024		Hợp đồng cung cấp và thi công thảm bê tông nhựa nóng đường N11, N14, N17, N19, D17, D18, D20, D21 tại Lai Uyên, Bàu Bàng, Bình Dương, tổng giá trị: 8.938.550.423 đồng
					28/5/2024		Hợp đồng cung cấp công tròn BTCT và gói công, tổng giá trị: 5.391.248.502 đồng
2	Công ty Cổ phần Đá ốp lát	Tổ chức có	3701799724	Thửa đất số 350, tờ bản đồ địa chính	02/01/2024	Nghị quyết HĐQT số 13/2023/NQ-	Hợp đồng dịch vụ khoan đá (tổng giá trị hợp đồng dựa vào khối lượng thực

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
	An Bình	liên quan của người nội bộ	08/11/2023 Sở KH và ĐT tỉnh Bình Dương	số 71, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, Bình Dương		HĐQT ngày 30/12/2023	hiện công việc thực tế nhân với đơn giá được hai bên thỏa thuận)
					02/01/2024		Hợp đồng thuê xe ủi bánh xích: 19.980.000 đồng/tháng
					02/01/2024		Hợp đồng mua bán đá xây dựng (tổng giá trị hợp đồng dựa vào khối lượng giao nhận thực tế nhân với đơn giá từng loại được hai bên thỏa thuận)
					21/06/2024		Hợp đồng mua đá xây dựng các loại (tổng giá trị hợp đồng dựa vào khối lượng giao nhận thực tế nhân với đơn giá từng loại được hai bên thỏa thuận)

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH



anviet
Certified Public Accountants

Công ty TNHH Kiểm toán An Việt
www.anvietcpa.com

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 32

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC ("Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Bảo Long	Chủ tịch Hội đồng quản trị - Đại diện theo pháp luật
Ông Ngô Anh Quân	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thúy Vân	Thành viên
Ông Phạm Huy Hậu	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Loan	Thành viên

Ban Tổng giám đốc

Ông Ngô Anh Quân	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Thuận	Phó Tổng giám đốc
Ông Phạm Hữu Nguyên	Phó Tổng giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thúy Vân	Phó Tổng giám đốc tài chính
Ông Nguyễn Xuân Cường	Phó Tổng giám đốc kỹ thuật (Miễn nhiệm ngày 31/07/2024)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Thị Thúy Vân
Phó Tổng Giám đốc tài chính
(Theo Giấy ủy quyền số 01/2022/UQ ngày 01/03/2022)
Bình Dương, ngày 28 tháng 03 năm 2025

Số: 90 /2025/BCKT-AVI-TC1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC, được lập ngày 28/03/2025, từ trang 04 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên


Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Vũ Bình Minh
Tổng giám đốc
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0034-2023-055-1

Vũ Bình Minh
Tổng giám đốc
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0034-2023-055-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2025



Nguyễn Hoàng Việt
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 4988-2024-055-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

MẪU SỐ B01 - DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024		01/01/2024	
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.728.607.061.155		1.727.192.489.570	
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		36.009.341.896		18.275.839.817	
1. Tiền	111	5	36.009.341.896		18.275.839.817	
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		597.650.804.027		677.398.714.568	
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	385.098.670.205		447.803.247.729	
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	57.883.770.245		65.923.304.314	
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	149.050.000.000		158.810.185.346	
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	6.421.773.182		5.473.712.384	
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	12	(803.409.605)		(611.735.205)	
III. Hàng tồn kho	140		999.157.711.500		1.003.050.490.697	
1. Hàng tồn kho	141	11	999.157.711.500		1.003.050.490.697	
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		95.789.203.732		28.467.444.488	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	3.434.891.686		1.668.422.929	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		92.351.101.908		26.795.667.421	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	3.210.138		3.354.138	
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.247.938.582.367		612.193.767.998	
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-		100.000.000.000	
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	-		100.000.000.000	
II. Tài sản cố định	220		6.245.290.122		8.239.116.331	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	6.245.290.122		8.239.116.331	
- Nguyên giá	222		112.588.941.375		112.588.941.375	
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(106.343.651.253)		(104.349.825.044)	
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	-		-	
- Nguyên giá	228		1.709.431.617		1.709.431.617	
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.709.431.617)		(1.709.431.617)	
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		739.623.825.549		392.613.285.108	
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	11	739.623.825.549		392.613.285.108	
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		477.700.851.200		85.880.851.200	
1. Đầu tư vào công ty con	251	15	13.666.500.000		13.666.500.000	
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	15	392.000.000.000		-	
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	15	73.681.851.200		73.681.851.200	
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	15	(1.647.500.000)		(1.647.500.000)	
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-		180.000.000	
V. Tài sản dài hạn khác	260		24.368.615.496		25.460.515.359	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	24.368.615.496		25.460.515.359	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.976.545.643.522		2.339.386.257.568	

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

MÃ SỐ B01 - DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.649.897.081.697	1.063.659.819.432
I. Nợ ngắn hạn	310		1.488.613.550.156	881.210.928.174
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	796.062.004.678	197.906.925.016
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	108.887.069.412	60.010.371.179
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	2.844.957.711	6.792.652.390
4. Phải trả người lao động	314		1.273.503.302	3.174.785.658
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	1.796.237.358	2.172.580.961
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	11.028.335.247	11.768.570.164
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22	564.747.451.934	596.761.945.346
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	21	1.260.097.393	2.593.225.218
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		713.893.121	29.872.242
II. Nợ dài hạn	330		161.283.531.541	182.448.891.258
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22	151.894.999.999	173.119.625.000
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	21	9.388.531.542	9.329.266.258
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.326.648.561.825	1.275.726.438.136
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	1.326.648.561.825	1.275.726.438.136
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.049.999.930.000	1.049.999.930.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.049.999.930.000	1.049.999.930.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(2.615.654.819)	(2.615.654.819)
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		9.055.511.950	9.055.511.950
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		56.123.821.471	56.123.821.471
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		214.084.953.223	163.162.829.534
- LNST chưa PPLK đến cuối năm trước	421a		162.126.748.215	94.090.741.634
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		51.958.205.008	69.072.087.900
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.976.545.643.522	2.339.386.257.568

Bình Dương, ngày 28 tháng 03 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Phương Yến

Phạm Huy Hậu

Nguyễn Thị Thúy Vân

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024

MẪU SỐ B02 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		Năm 2024	Năm 2023
	số	minh		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	674.061.078.253	641.048.299.417
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		22.054.962	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		674.039.023.291	641.048.299.417
4. Giá vốn hàng bán	11	25	566.800.295.893	516.532.637.233
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		107.238.727.398	124.515.662.184
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	14.372.962.324	16.758.366.179
7. Chi phí tài chính	22	27	40.823.583.062	43.929.503.415
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		40.823.583.062	44.623.825.944
8. Chi phí bán hàng	25	28	6.696.122.471	12.968.379.747
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	12.428.836.945	16.277.912.660
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		61.663.147.244	68.098.232.541
11. Thu nhập khác	31	29	68.425.708.039	18.311.365.102
12. Chi phí khác	32	30	63.475.661.710	13.717.692
13. Lợi nhuận khác	40		4.950.046.329	18.297.647.410
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		66.613.193.573	86.395.879.951
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	14.654.988.565	17.323.792.051
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		51.958.205.008	69.072.087.900

Bình Dương, ngày 28 tháng 03 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Phó Tổng giám đốc
Tài chính

Nguyễn Thị Phương Yển

Phạm Huy Hậu

Nguyễn Thị Thủy Vân



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024

MẪU SỐ B03 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm	
		2024	2023
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	66.613.193.573	86.395.879.951
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	1.993.826.209	2.638.276.783
- Các khoản dự phòng	03	(1.082.188.141)	(375.422.928)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(14.372.962.324)	(16.758.366.179)
- Chi phí lãi vay	06	40.823.583.062	44.623.825.944
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước	08	93.975.452.379	116.524.193.571
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	99.362.200.392	4.680.343.436
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(343.117.761.244)	(487.367.347.429)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	643.749.030.334	59.053.323.969
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(674.568.894)	765.731.737
- Tiền lãi vay đã trả	14	(40.863.663.377)	(43.915.475.767)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(18.640.196.684)	(24.872.967.416)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(6.700.000)	(2.713.259.508)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	433.783.792.906	(377.845.457.407)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	-	(1.200.000.000)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(492.200.000.000)	(558.800.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	502.140.185.346	704.989.814.654
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(392.000.000.000)	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	19.251.522.240	11.879.806.263
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(362.808.292.414)	156.869.620.917
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	672.985.968.095	813.128.191.856
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(726.225.086.508)	(683.547.358.331)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.880.000)	(1.700.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(53.241.998.413)	129.579.133.525
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	17.733.502.079	(91.396.702.965)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	18.275.839.817	109.672.542.782
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	36.009.341.896	18.275.839.817

Bình Dương, ngày 28 tháng 03 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Phó Tổng giám đốc
Tài chính

Nguyễn Thị Phương Yến

Phạm Huy Hậu

Nguyễn Thị Thủy Vân

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC (gọi tắt "Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Xi nghiệp Sản xuất Bê tông cốt thép và Bê tông nhựa nóng thuộc Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp (nay là Tổng công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP) theo Quyết định số 631/QĐ-UBND ngày 05/03/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 3700926112 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 03/06/2008, và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 23/07/2024.

Vốn điều lệ của Công ty là 1.049.999.930.000 VND, được chia thành 104.999.993 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND. Cổ phiếu của Công ty hiện đang được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã cổ phiếu là ACC.

Số lượng cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 127 người (tại ngày 31/12/2023 là 169 người).

Trụ sở chính của Công ty tại Lô D_3_CN, đường N7, KCN Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất kinh doanh công bê tông cốt thép, bê tông nhựa nóng, bê tông xi măng các loại;
- Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông, công trình công cộng, công trình hạ tầng kỹ thuật;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn một số loại hàng hóa;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác...

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có một công ty con và một công ty liên kết với thông tin chi tiết như sau:

Tên công ty	Mối quan hệ	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Đá ốp lát An Bình	Công ty con	Bình Dương	60%	60%	Cắt tạo đá và hoàn thiện đá
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Phố Đà Sơn	Công ty liên kết	Bình Dương	49%	49%	Đầu tư bất động sản

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**4.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết hoạt động liên tục.

4.2. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

4.4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Phản ánh các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng (ngắn hạn) và trên 12 tháng (dài hạn) kể từ thời điểm báo cáo (ngoài các khoản chứng khoán kinh doanh), bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu) với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư như chi phí môi giới, giao dịch, tư vấn, thuế, lệ phí và phí ngân hàng,... Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi.

Lãi tiền gửi phát sinh sau ngày mua các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, lãi khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại kể từ thời điểm báo cáo của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp vào giá trị đầu tư. Dự phòng đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi được trích lập tương tự phải thu khó đòi theo thuyết minh số 4.8.

4.5. Các khoản cho vay

Phản ánh các khoản cho vay bằng hợp đồng, thỏa thuận vay giữa hai bên có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng (ngắn hạn) và trên 12 tháng (dài hạn) tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Các khoản cho vay được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Lãi cho vay được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính khi phát sinh.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại kể từ thời điểm báo cáo của các khoản cho vay để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (nếu có).

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Dự phòng đối với các khoản cho vay có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi được trích lập tương tự phải thu khó đòi theo thuyết minh số 4.8.

4.6. Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào đơn vị khác gồm các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết và các khoản đầu tư góp vốn khác với mục đích nắm giữ lâu dài.

Đầu tư vào công ty con

Phản ánh các khoản đầu tư mà Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và có quyền kiểm soát, chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư (công ty con) nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó hoặc Công ty nắm giữ ít hơn 50% quyền biểu quyết nhưng có thỏa thuận:

- Các nhà đầu tư khác thỏa thuận dành cho Công ty hơn 50% quyền biểu quyết;
- Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động theo quy chế thỏa thuận;
- Công ty có quyền bổ nhiệm hoặc bãi miễn đa số các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cấp quản lý tương đương;
- Công ty có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị hoặc cấp quản lý tương đương.

Đầu tư vào công ty liên kết

Phản ánh các khoản đầu tư mà Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư (công ty liên kết) mà không có thỏa thuận khác.

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản vốn góp cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, tư vấn, kiểm toán, lệ phí, thuế và phí ngân hàng... Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận, riêng đối với cổ tức nhận được bằng cổ phiếu, Công ty chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm trên thuyết minh báo cáo tài chính, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư góp vốn khác là số chênh lệch lớn hơn giữa giá gốc và giá trị thị trường của khoản đầu tư hoặc phần sở hữu của Công ty tính theo sổ kế toán của bên nhận đầu tư được trích lập phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

4.7. Các hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

BCC là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia. BCC có thể được thực hiện dưới hình thức cùng nhau xây dựng tài sản hoặc hợp tác trong một số hoạt động kinh doanh. Các bên tham gia trong BCC có thể thỏa thuận chia doanh thu, chia sản phẩm hoặc chia lợi nhuận sau thuế. Trong mọi trường hợp, khi nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động BCC, bên nhận hạch toán là nợ phải trả.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Đối với trường hợp BCC chia lợi nhuận sau thuế, các bên phải cử ra một bên để kế toán toàn bộ các giao dịch của BCC, ghi nhận doanh thu, chi phí, theo dõi riêng kết quả kinh doanh của BCC và quyết toán thuế.

4.8. Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo yêu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu của khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; các khoản đã chi hộ; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

4.9. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho thông thường

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Hàng tồn kho bất động sản

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán hoặc cho thuê dài hạn đáp ứng được điều kiện ghi nhận doanh thu một lần trong quá trình hoạt động bình thường của Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng tồn kho theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng tồn kho bất động sản bao gồm chi phí tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và thuế khác, chi phí xây dựng trả cho nhà thầu và các chi phí liên quan khác bao gồm: Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, chi phí quản lý xây dựng chung và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá trị thị trường vào ngày báo cáo và trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc niên độ kế toán, được trích lập phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4.10. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 14
Máy móc thiết bị	02 - 14
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	02 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 08
Tài sản cố định khác	06 - 08

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.11. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình được xác định theo giá gốc. Trong đó:

- Chương trình phần mềm: là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa các phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 02 đến 08 năm.
- Chi phí thiết kế sản phẩm: là các chi phí cho hoạt động triển khai liên quan đến việc ứng dụng những thiết kế cho sản phẩm mới để sản xuất sản phẩm công bê tông và bê tông nhựa nóng các loại. Chi phí này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 02 đến 08 năm.

4.12. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh bao gồm tiền thuê đất, giá trị công cụ dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác phục vụ cho hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Trong đó:

- Tiền thuê đất trả trước tại Khu công nghiệp Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ ngày 30/04/2020 đến 12/06/2052;
- Giá trị công cụ dụng cụ xuất dùng được Công ty phân bổ trong thời gian không quá 03 năm (dài hạn) và không quá 1 năm (ngắn hạn);

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Công ty căn cứ vào thời gian trả trước theo hợp đồng hoặc thời gian phân bổ của từng loại chi phí để phân loại chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn và không thực hiện tái phân loại tại thời điểm báo cáo.

4.13. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Phải trả về lãi vay; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; mượn tài sản; phải trả về tiền phạt, bồi thường; tài sản phát hiện thừa chưa rõ nguyên nhân; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; các khoản nhận ký cược, ký quỹ...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là phải trả dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

4.14. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, bao gồm: lãi tiền vay; chi phí phải trả khác,... trong đó:

- Chi phí lãi vay được ước tính dựa trên số tiền vay, thời hạn và lãi suất thực tế từng kỳ theo từng kế ước vay;
- Chi phí phải trả thầu phụ của các hạng mục công trình đã thực hiện đến thời điểm cuối kỳ nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu, quyết toán.

4.15. Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính của Công ty bao gồm các khoản đi vay và vay vốn theo phương thức phát hành trái phiếu thường (không có quyền chuyển đổi).

Các khoản đi vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ; từng kế ước vay, nợ và từng loại tài sản vay, nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản vay và nợ thuê tài chính có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là "Vay và nợ thuê tài chính dài hạn". Các khoản vay và nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là "Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn".

Công ty vay vốn bằng phát hành trái phiếu thường bao gồm: trái phiếu ngang giá (phát hành trái phiếu với giá đúng bằng mệnh giá của trái phiếu), trái phiếu có chiết khấu (phát hành trái phiếu với giá nhỏ hơn mệnh giá của trái phiếu) và trái phiếu có phụ trội (phát hành trái phiếu với giá lớn hơn mệnh giá của trái phiếu). Công ty theo dõi chi tiết chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu phát hành và theo thời hạn phát hành trái phiếu. Chiết khấu và phụ trội trái phiếu được xác định và ghi nhận ngay tại thời điểm phát hành trái phiếu. Công ty phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội vào chi phí đi vay hoặc để giảm trừ chi phí đi vay theo phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng.

Trường hợp chi phí lãi vay của trái phiếu đủ điều kiện để vốn hóa, khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa tương ứng từng kỳ.

4.16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng), để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán, được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng từ 12 tháng trở xuống.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì số chi phí đi vay được vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.17. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm.

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh từ lãi tiền gửi, tiền cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

Thu nhập khác phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

4.18. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. Thu nhập thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoãn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoãn nhập trong năm. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoãn nhập trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoãn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính, khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, đối với tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các thu nhập không chịu thuế hoặc chi phí không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.19. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý. Trường hợp chưa có quy định về việc xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính thì trình bày theo giá trị ghi sổ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Công ty chưa trình bày các thuyết minh liên quan đến công cụ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

4.20. Bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng thuộc Công ty).

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	5.020.119.117	385.533.889
Tiền gửi ngân hàng	30.989.222.779	17.890.305.928
Cộng	36.009.341.896	18.275.839.817

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương	328.721.691	3.004.131.000
Công ty Cổ phần Đá Ốp lát An Bình	4.121.280	122.213.880
Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP	-	90.134.775.072
Phải thu các khách hàng khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hà Nội	279.144.797.017	300.673.074.479
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	33.878.752.733	30.708.049.993
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	4.339.419.295	3.815.283.045
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex Bình Phước	32.096.432.809	-
Phải thu khách hàng khác	35.306.425.380	19.345.720.260
Cộng	385.098.670.205	447.803.247.729

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP	1.433.806.904	-
Trả trước cho người bán khác		
Công ty Cổ phần Kinh doanh Bất động sản và Xây dựng Nguyên Việt	46.000.000.000	44.650.519.264
Công ty TNHH MTV Hà Nhật Quang	4.488.856.285	18.603.049.525
Các đối tượng khác	5.961.107.056	2.669.735.525
Cộng	57.883.770.245	65.923.304.314

8. PHẢI THU VÉ CHO VAY NGẮN HẠN

Là khoản cho vay cá nhân theo các hợp đồng cho vay có thời hạn 3 tháng và tự động gia hạn nhưng không quá 12 tháng kể từ ngày vay. Các khoản vay được sử dụng để phục vụ hoạt động kinh doanh của bên đi vay với lãi suất 7%/năm và được bảo đảm bởi tài sản hợp pháp của bên thứ 3. Các hợp đồng cho các đối tác bên ngoài vay vốn nhằm tối đa hiệu quả hoạt động vốn lưu động của Công ty. Đến thời điểm phát hành báo cáo này Công ty đã thu hồi toàn bộ số dư gốc và lãi vay của các hợp đồng cho vay này.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	6.421.773.182	-	5.473.712.384	-
Tạm ứng	921.729.951	-	590.101.204	-
Ký cược, ký quỹ	3.344.000	-	3.344.000	-
Lãi dự thu từ các hợp đồng cho vay	-	-	4.878.559.916	-
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	5.496.699.231	-	-	-
Phải thu khác	-	-	1.707.264	-
Dài hạn	-	-	100.000.000.000	-
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP (*)	-	-	100.000.000.000	-
Cộng	6.421.773.182	-	105.473.712.384	-

(*) Khoản tiền chuyển theo Hợp đồng hợp tác đầu tư với Tổng công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp - CTCP ("Tổng công ty") để xây dựng nhà ở thương mại và chuyển quyền sử dụng đất tại Khu dân cư ấp 5C, phường Thới Hòa, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương do Tổng công ty làm chủ đầu tư. Trong năm, Tổng công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp - CTCP đã xuất hóa đơn Chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho Công ty, chi tiết tại thuyết minh số 11.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	3.434.891.686	1.668.422.929
Công cụ, dụng cụ	703.386.404	1.187.555.168
Các khoản khác	2.731.505.282	480.867.761
Dài hạn	24.368.615.496	25.460.515.359
Công cụ, dụng cụ	279.905.440	436.694.986
Tiền thuê đất (*)	23.971.317.626	24.817.889.246
Các khoản khác	117.392.430	205.931.127
Cộng	27.803.507.182	27.128.938.288

(*) Là tiền thuê đất trả trước tại địa chỉ Lô D-3-CN, đường N7, KCN Mỹ Phước, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ nêu trên đang được thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	999.157.711.500	-	1.003.050.490.697	-
Hàng đang đi trên đường	19.450.278.094	-	17.618.049.338	-
Nguyên liệu, vật liệu	9.160.941.675	-	6.587.059.440	-
Công cụ, dụng cụ	60.154.373	-	78.916.577	-
Chi phí SXKD dở dang (1)	487.894.993.373	-	499.053.491.150	-
Thành phẩm	6.404.710.371	-	2.998.209.468	-
Hàng hoá	476.186.633.614	-	476.712.224.030	-
- Hàng hóa bất động sản (2)	470.998.410.000	-	470.998.410.000	-
- Hàng hóa khác	5.188.223.614	-	5.713.814.030	-
Hàng gửi bán	-	-	2.540.694	-
Dài hạn	739.623.825.549	-	392.613.285.108	-
Chi phí SXKD dở dang (1)	739.623.825.549	-	392.613.285.108	-
Cộng	1.738.781.537.049	-	1.395.663.775.805	-

(1) Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang như sau:

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	487.894.993.373	499.053.491.150
Nhà ở hình thành trong tương lai dự án Khu đô thị và dịch vụ VSIP Bắc Ninh (i)	427.237.913.408	409.115.667.598
Các công trình thi công xây lắp	60.657.079.965	89.937.823.552
Dài hạn	739.623.825.549	392.613.285.108
Dự án Nhà ở hỗn hợp Thương mại dịch vụ Định Hòa (ii)	-	392.613.285.108
Dự án Khu dân cư áp 5C Thới Hoà (iii)	739.623.825.549	-
Cộng	1.227.518.818.922	891.666.776.258

(i) Là giá trị 91 bất động sản và các chi phí liên quan thuộc dự án Khu đô thị và dịch vụ VSIP Bắc Ninh theo các hợp đồng mua bán nhà ở hình thành trong tương lai. Công ty đang tiếp tục sửa chữa trong quá trình bảo hành và hoàn thiện nội thất của các bất động sản này. Các bất động sản này đang được thế chấp làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ.

(ii) Là giá trị quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan của Dự án Nhà ở hỗn hợp Thương mại dịch vụ Định Hòa tại đường Võ Văn Kiệt, phường Định Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương với quy mô khoảng 17.431,3 m² do Công ty làm chủ đầu tư. Do nguồn lực tài chính hạn chế và một số ảnh hưởng không thuận lợi của thị trường bất động sản cho việc triển khai dự án, Ban Tổng giám đốc đã quyết định không tiếp tục thực hiện Dự án Nhà ở hỗn hợp thương mại dịch vụ Định Hòa. Theo đó Công ty đã làm việc với chủ sở hữu cũ của các thửa đất mà công ty đã nhận chuyển nhượng để đàm phán và thực hiện hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng đã ký trước đây.

(iii) Là giá trị quyền sử dụng đất với diện tích 147.895,6 m² nhận chuyển nhượng từ Tổng công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp - CTCP và các chi phí liên quan để đầu tư xây dựng nhà ở thương mại tại Khu dân cư áp 5C, phường Thới Hòa, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty đang hoàn thiện các thủ tục nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hồ sơ pháp lý của dự án từ Tổng công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp - CTCP.

(2) **Hàng hóa bất động sản:** Là các thửa đất tại phường Thới Hòa, phường Tân Định, TP. Bến Cát; phường Định Hòa, TP. Thủ Dầu Một và thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

12. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÓI

	31/12/2024		01/01/2024					
	Thời gian quá hạn Năm	Giá gốc VND	Giá trị có thẻ thu hồi VND	Dự phòng VND	Thời gian quá hạn Năm	Giá gốc VND	Giá trị có thẻ thu hồi VND	Dự phòng VND
Phải thu của khách hàng								
Công ty TNHH TM Xây dựng Cầu đường Trương Hoàng Long	> 3 năm	189.298.335	-	(189.298.335)	> 3 năm	189.298.335	-	(189.298.335)
Công ty TNHH XD-TM-DV-Xuất nhập khẩu Tân Hùng Phát	> 3 năm	173.194.526	-	(173.194.526)	> 3 năm	173.194.526	-	(173.194.526)
Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Thủy lợi Bình Dương	> 3 năm	100.283.494	-	(100.283.494)	> 3 năm	100.283.494	-	(100.283.494)
Công ty TNHH TM - DV - Xây dựng Lộc Hoàng Gia	> 3 năm	95.089.291	-	(95.089.291)	> 3 năm	95.089.291	-	(95.089.291)
Các khách hàng khác		430.547.308	185.003.349	(245.543.959)	> 3 năm	53.869.559	-	(53.869.559)
Cộng		988.412.954	185.003.349	(803.409.605)		611.735.205	-	(611.735.205)

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Chi phí thiết kế sản phẩm VND	Cộng VND
NGUYỄN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2024	654.359.800	1.055.071.817	1.709.431.617
Tại ngày 31/12/2024	654.359.800	1.055.071.817	1.709.431.617
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2024	654.359.800	1.055.071.817	1.709.431.617
Tại ngày 31/12/2024	654.359.800	1.055.071.817	1.709.431.617
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2024	-	-	-
Tại ngày 31/12/2024	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYỄN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2024	11.629.778.901	66.894.148.559	32.894.298.576	826.949.158	343.766.181	112.588.941.375
Tại ngày 31/12/2024	11.629.778.901	66.894.148.559	32.894.298.576	826.949.158	343.766.181	112.588.941.375
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2024	11.629.778.901	63.432.169.294	28.117.161.510	826.949.158	343.766.181	104.349.825.044
Khấu hao trong năm	-	968.981.289	1.024.844.920	-	-	1.993.826.209
Tại ngày 31/12/2024	11.629.778.901	64.401.150.583	29.142.006.430	826.949.158	343.766.181	106.343.651.253
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2024	-	3.461.979.265	4.777.137.066	-	-	8.239.116.331
Tại ngày 31/12/2024	-	2.492.997.976	3.752.292.146	-	-	6.245.290.122
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao còn sử dụng	11.629.778.901	59.932.704.635	23.702.667.380	826.949.158	343.766.181	96.435.866.255
GTCL tài sản thế chấp khoản vay ngân hàng	-	1.711.868.090	590.277.780	-	-	2.302.145.870

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃ SỐ B09 - DN

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT VÀ CÁC ĐƠN VỊ KHÁC

	31/12/2024				01/01/2024			
	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ biểu quyết %	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ biểu quyết %	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty con								
Công ty Cổ phần Đá ốp lát An Bình	60,00%	60,00%	13.666.500.000	-	60,00%	60,00%	13.666.500.000	-
Đầu tư vào công ty liên kết								
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Phổ Đà Sơn (1)	49,00%	49,00%	392.000.000.000	-	-	-	-	-
Đầu tư vào đơn vị khác								
Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP (2)	4,27%	4,27%	73.681.851.200	(1.647.500.000)	4,27%	4,27%	73.681.851.200	(1.647.500.000)
Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước (3)	12,45%	12,45%	47.134.351.200	-	12,45%	12,45%	47.134.351.200	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Thủy lợi Bình Dương	10,98%	10,98%	24.900.000.000	-	10,98%	10,98%	24.900.000.000	-
Cộng			479.348.351.200	(1.647.500.000)			87.348.351.200	(1.647.500.000)

(1) Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Phổ Đà Sơn có địa chỉ tại ô số 62, Lô K32, tờ bản đồ số 1-KTĐC Mỹ Phước III, Ấp 2, phường Thới Hòa, thành phố Bến Cát, Tỉnh Bình Dương hoạt động chính trong lĩnh vực đầu tư và kinh doanh bất động sản với vốn điều lệ tại thời điểm 31/12/2024 là 800 tỷ đồng. Công ty thực hiện đầu tư góp vốn vào Phổ Đà Sơn để hợp tác với các đối tác triển khai các dự án bất động sản tại tỉnh Bình Dương để đảm bảo nguồn lực tài chính cho dự án.

(2) Cổ phiếu Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP hiện đang được đăng ký giao dịch tại Sàn giao dịch các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCOM), theo đó căn cứ vào số lượng cổ phiếu Công ty nắm giữ nhân giá cổ phiếu tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm 31/12/2024 cao hơn giá trị Công ty đầu tư nên Công ty không phải trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư vào Công ty này.

(3) Theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán, kết quả kinh doanh năm 2024 của Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước có lãi nên Công ty không phải trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư vào Công ty này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MAU SỐ B09 - DN

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024		Số có khả năng trả nợ VND
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	
Bên liên quan					
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương	107.765.185.734	107.765.185.734	107.765.185.734	107.765.185.734	
Công ty Cổ phần Đá ốp lát An Bình	-	-	-	350.600.659	
Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP	-	-	-	7.884.617.848	
Phải trả người bán khác					
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	663.504.578.527	663.504.578.527	188.316.219	188.316.219	
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí	6.387.585.100	6.387.585.100	21.660.061.050	21.660.061.050	
Công ty TNHH Cung ứng Nhựa đường	8.322.534.000	8.322.534.000	13.043.871.500	13.043.871.500	
Phải trả cho các nhà cung cấp khác	10.082.121.317	10.082.121.317	47.014.272.006	47.014.272.006	
Cộng	796.062.004.678	796.062.004.678	197.906.925.016	197.906.925.016	

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2024		Số phải nộp trong năm		Số đã nộp trong năm		31/12/2024	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	414.710.673	414.710.673	414.710.673	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.771.150.081	14.654.988.565	14.654.988.565	18.640.196.684	2.785.941.962	2.785.941.962	2.785.941.962	2.785.941.962
Thuế thu nhập cá nhân	18.148.171	289.344.666	289.344.666	251.687.226	55.805.611	55.805.611	55.805.611	55.805.611
- Thuế TNCN từ tiền lương, tiền công	21.502.309	289.200.666	289.200.666	251.687.226	59.015.749	59.015.749	59.015.749	59.015.749
- Thuế TNCN từ cổ tức	(3.354.138)	144.000	144.000	-	(3.210.138)	(3.210.138)	(3.210.138)	(3.210.138)
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	925.883.006	925.883.006	925.883.006	-	-	-	-
Cộng	6.789.298.252	16.284.926.910	16.284.926.910	20.232.477.589	2.841.747.573	2.841.747.573	2.841.747.573	2.841.747.573
Trong đó:								
Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước	3.354.138							3.210.138
Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	6.792.652.390							2.844.957.711

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP	61.236.180.860	-
Người mua trả tiền trước khác		
Bà Lưu Thị Hồng Nhung	47.422.200.000	47.422.200.000
Công ty TNHH MTV Hà Nhật Quang	-	11.612.188.797
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex Bình Phước	-	583.187.005
Khách hàng khác	228.688.552	392.795.377
Cộng	<u>108.887.069.412</u>	<u>60.010.371.179</u>

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay	1.369.428.208	1.457.777.027
Các khoản trích trước khác	426.809.150	714.803.934
Cộng	<u>1.796.237.358</u>	<u>2.172.580.961</u>

20. PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm y tế	16.682.536	22.776.970
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	353.574.200	356.454.200
Nhận góp vốn hợp tác kinh doanh (*)	9.750.000.000	9.750.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	908.078.511	1.639.338.994
Cộng	<u>11.028.335.247</u>	<u>11.768.570.164</u>

(*) Khoản nhận góp vốn theo các hợp đồng nguyên tắc với đối tác cá nhân để xây dựng 10 căn nhà ở tại Khu dân cư ấp 5C, phường Thới Hòa, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Công ty đã nhận góp vốn đợt 1 tương đương 100% giá trị quyền sử dụng đất đối tác cam kết nhận chuyển nhượng từ Chủ đầu tư dự án thông qua Công ty. Công ty sẽ thực hiện đầu tư xây dựng nhà ở và nhận cung cấp vật tư, thi công xây dựng hoàn thiện nhà ở riêng lẻ theo hình thức trọn gói.

21. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Ngắn hạn	<u>1.260.097.393</u>	<u>2.593.225.218</u>
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	1.260.097.393	2.593.225.218
Dài hạn	<u>9.388.531.542</u>	<u>9.329.266.258</u>
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	9.388.531.542	9.329.266.258
Cộng	<u>10.648.628.935</u>	<u>11.922.491.476</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

22. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2024		Trong năm		31/12/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (1)	596.761.945.346	596.761.945.346	694.210.593.096	726.225.086.508	564.747.451.934	564.747.451.934
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (2)	173.465.478.700	173.465.478.700	109.625.241.904	210.553.056.499	72.537.664.105	72.537.664.105
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (3)	167.300.029.466	167.300.029.466	246.857.906.130	281.258.850.455	132.899.085.141	132.899.085.141
Ngân hàng First Commercial Bank (4)	89.978.369.416	89.978.369.416	87.515.704.593	92.978.369.416	84.515.704.593	84.515.704.593
Ngân hàng TNHH Indovina (5)	109.882.994.267	109.882.994.267	155.815.679.522	110.022.684.517	155.675.989.272	155.675.989.272
	15.861.198.497	15.861.198.497	73.171.435.946	23.462.125.621	65.570.508.822	65.570.508.822
Nợ dài hạn đến hạn trả						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (6)	450.000.000	450.000.000	450.000.000	450.000.000	450.000.000	450.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (7)	39.823.875.000	39.823.875.000	20.774.625.001	7.500.000.000	53.098.500.001	53.098.500.001
Vay dài hạn						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (6)	173.119.625.000	173.119.625.000	-	21.224.625.001	151.894.999.999	151.894.999.999
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (7)	549.500.000	549.500.000	-	450.000.000	99.500.000	99.500.000
Cộng	172.570.125.000	172.570.125.000	-	20.774.625.001	151.795.499.999	151.795.499.999
	769.881.570.346	769.881.570.346	694.210.593.096	747.449.711.509	716.642.451.933	716.642.451.933

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃU SỐ B09 - DN

Thông tin chi tiết về các khoản vay ngân hàng

Ngân hàng	Số hợp đồng	Hạn mức (tỷ đồng)	Mục đích	Thời hạn	Tài sản đảm bảo
(1) Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đồng Nai	Số 300268746/2023-HĐCV/H/NHCT680-ACC ngày 23/08/2023 và các văn bản sửa đổi hợp đồng	200	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Thời hạn vay theo giấy nhận nợ, tối đa không quá 9 tháng	Tài sản đảm bảo là hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01.300268746/2021/HĐBĐ/NHCT680-ACC ký ngày 15/03/2021; Hợp đồng thế chấp động sản số 01.300268746/2022/HĐBĐ/NHCT680-ACC-MMTB ngày 30/03/2022 và các văn bản bổ sung nếu có.
(2) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Tây Hồ	Số 01/2024/2451719/HĐTD ngày 25/9/2024	250	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh mở L/C	Thời hạn vay theo giấy nhận nợ	Tài sản đảm bảo là: Hợp đồng thế chấp bất động sản số 04/2019/2451719/HĐBĐ ngày 25/12/2019 giữa bên thứ 3 và Ngân hàng; Hợp đồng thế chấp số công chứng 0005945 ngày 17/10/2023 giữa bên thứ 3 và Ngân hàng; Hợp đồng thế chấp số công chứng 0005946 ngày 17/10/2023 giữa bên thứ 3 và Ngân hàng; Hợp đồng thế chấp số công chứng 0005947 ngày 17/10/2023 giữa bên thứ 3 và Ngân hàng; Hợp đồng thế chấp số công chứng 0005948 ngày 17/10/2023 giữa bên thứ 3 và Ngân hàng
(3) Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - CN Bình Dương	Số 1800LAV240051449 ngày 04/07/2024	90	Bổ sung vốn phục vụ sản xuất kinh doanh	Thời hạn vay theo giấy nhận nợ	Tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bia BK 075011, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CT03506 so Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 28/12/2012.
(4) Ngân hàng First Commercial Bank - CN TP Hồ Chí Minh	Số STRLS-H30230286 ngày 14/03/2024	110	Nhập khẩu và/hoặc mua nội địa nguyên liệu, hàng hóa, vốn lưu động phục vụ cho các dự án công trình, nhà thầu phụ thi công và các chi phí hoạt động khác với BECAMEX, VSIP và các công ty liên quan	Thời hạn khoản vay từ 180 ngày hoặc 01 năm tùy vào khoản ứng vay	Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất của Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương đối với thửa đất ghi trong quyền sử dụng đất số AN 721704 tọa lạc tại phường Thới Hòa, Thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LUR-2023/01 ngày 31/03/2023.
(4) Ngân hàng First Commercial Bank - CN TP Hồ Chí Minh	Số STRLS-H10230272 ngày 14/03/2024	70	Mua nội địa nguyên vật liệu, hàng hóa phục vụ cho các dự án công trình, nhà thầu phụ thi công và các chi phí hoạt động khác với Công ty TNHH BW Supply Chain City và Becamex Bình Phước	Thời hạn vay là 1 năm	Tài sản đảm bảo là hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LUR-2024/01 ngày 18/03/2024 giữa bên thứ 3 và Ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

Thông tin chi tiết về các khoản vay (tiếp theo)

STT	Ngân hàng	Số hợp đồng	Hạn mức (tỷ đồng)	Mục đích	Thời hạn	Tài sản đảm bảo
(5)	Ngân hàng TNHH INDOVINA - CN Phú Mỹ Hưng	Số 065-BS1/0924/CLr/6385979 ngày 11/10/2024	150	Bổ sung vốn lưu động, mua nguyên vật liệu phục vụ sản xuất và thi công	Thời hạn vay theo giấy nhận nợ, tối đa không quá 9 tháng	Tài sản đảm bảo Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất tại Phường Thới Hòa, Huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương thuộc sở hữu của bên thứ ba
(6)	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đồng Nai	Số 300268746/2022-HĐCVNT/NHCT880-ACC ngày 30/03/2022	50	Thanh toán các chi phí hợp lệ hợp pháp, để thực hiện các Phương án/Dự án đầu tư Tài sản cố định	48 tháng	Hợp đồng thế chấp động sản số 01.300268746/2022/HĐBB/NHCT880-ACC-MMTB
(7)	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ	Số 01/2023/2451719/HĐTD ngày 08/03/2023 Văn bản sửa đổi, bổ sung ngày 20/06/2024 thay đổi lịch trả nợ	228,73	Thực hiện phương án kinh doanh phần diện tích 5.572 m ² (69 lô đất) tại Khu đô thị và dịch vụ VSIP Bắc Ninh (tên thương mại Khu đô thị Vietsing Square)	60 tháng	Tài sản thế chấp là quyền tài sản và tài sản hình thành trong tương lai của toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay, vốn tự có và vốn khác của bên thế chấp để mua 91 căn nhà có tổng diện tích 7.382 m ² tại Dự án Khu đô thị và dịch vụ VSIP Bắc Ninh (tên thương mại Khu đô thị Vietsing Square) theo Hợp đồng quyền thế chấp tài sản số 01/2023/2451719/HĐBB ngày 07/03/2023 và Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 02/2023/2451719/HĐBB ngày 08/03/2023

Lịch trả nợ vay dài hạn

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	53.548.500.001	40.273.875.000
Trên 1 năm đến 5 năm	151.894.999.999	173.119.625.000
Cộng	205.443.500.000	213.393.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng biến động tăng giảm vốn chủ sở hữu:

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Vốn khác của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		LNST chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Tại ngày 01/01/2023	1.049.999.930.000	(2.615.654.819)	-	9.055.511.950	56.123.821.471	95.332.994.487	1.207.896.603.089				
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	69.072.087.900	69.072.087.900				
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(828.168.569)	(828.168.569)				
Trích thù lao của HĐQT, BKS	-	-	-	-	-	(414.084.284)	(414.084.284)				
Tại ngày 01/01/2024	1.049.999.930.000	(2.615.654.819)	-	9.055.511.950	56.123.821.471	163.162.829.534	1.275.726.438.136				
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	51.958.205.008	51.958.205.008				
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	-	-	(690.720.879)	(690.720.879)				
Trích thù lao của HĐQT, BKS (*)	-	-	-	-	-	(345.360.440)	(345.360.440)				
Tại ngày 31/12/2024	1.049.999.930.000	(2.615.654.819)	-	9.055.511.950	56.123.821.471	214.084.953.223	1.326.648.561.825				

(*) Trong năm, Công ty phân phối lợi nhuận năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2024 số 01/2024/NQ-HĐCĐ ngày 29/04/2024, bao gồm: trích quỹ khen thưởng, phúc lợi số tiền 690.720.879 đồng; trích thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổ thư ký số tiền 345.360.440 đồng.

Chi tiết cổ đông lớn của Công ty:

	31/12/2024		01/01/2024	
	Số lượng cổ phiếu	Tỉ lệ	Số lượng cổ phiếu	Tỉ lệ
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương	51.215.000	48,78%	51.215.000	48,78%
Bà Nguyễn Thị Kim Thanh	24.850.392	23,67%	24.850.392	23,67%
PYN Elite Fund (Non-Ucits)	7.749.750	7,38%	7.749.750	7,38%
Các cổ đông khác	21.184.851	20,18%	21.184.851	20,18%
	104.999.993	100,00%	104.999.993	100,00%

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	1.049.999.930.000	1.049.999.930.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	1.049.999.930.000	1.049.999.930.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-
Cổ phiếu:	31/12/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	104.999.993	104.999.993
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	104.999.993	104.999.993
- Cổ phiếu phổ thông	104.999.993	104.999.993
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	104.999.993	104.999.993
- Cổ phiếu phổ thông	104.999.993	104.999.993
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phiếu</i>		

24. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	413.655.015.867	188.591.583.165
Doanh thu thi công công trình	260.115.122.398	452.004.990.312
Doanh thu cung cấp dịch vụ	290.939.988	451.725.940
Cộng	674.061.078.253	641.048.299.417

Doanh thu với các bên liên quan

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương	305.871.936	8.669.825.000
Công ty Cổ phần Đá Ốp lát An Bình	26.712.000	8.911.337.800
Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP	17.941.679.555	139.961.244.211
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hà Nội	-	150.557.708.667
Cộng	18.274.263.491	308.100.115.678

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	389.522.904.009	158.939.927.734
Giá vốn thi công công trình	177.077.243.265	357.346.267.181
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	200.148.619	246.442.318
Cộng	566.800.295.893	516.532.637.233

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	11.882.962.324	16.758.366.179
Cổ tức được chia	2.490.000.000	-
Cộng	14.372.962.324	16.758.366.179

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí lãi vay	40.823.583.062	44.623.825.944
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	-	(694.322.529)
Cộng	40.823.583.062	43.929.503.415

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí bán hàng	6.696.122.471	12.968.379.747
Chi phí nhân công	1.021.459.206	1.697.331.379
Chi phí nguyên nhiên liệu, công cụ dụng cụ	37.660.777	31.996.926
Chi phí khấu hao tài sản cố định	186.497.724	176.740.147
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.354.686.524	11.022.388.068
Chi phí khác	95.818.240	39.923.227
Chi phí quản lý doanh nghiệp	12.428.836.945	16.277.912.660
Chi phí nhân công	6.768.052.119	9.268.183.614
Chi phí vật liệu quản lý	168.444.338	236.954.885
Chi phí khấu hao tài sản cố định	539.999.915	582.745.338
Thuế, phí và lệ phí	37.847.445	5.400.000
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	191.674.400	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.926.312.911	5.086.048.616
Chi phí khác	796.505.817	1.098.580.207
Cộng	19.124.959.416	29.246.292.407

29. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Hoàn nhập trích lập dự phòng bảo hành công trình	2.303.430.672	3.556.884.489
Chi phí hỗ trợ hủy hợp đồng (*)	66.095.000.000	12.152.191.780
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	-	2.601.890.000
Các khoản khác	27.277.367	398.833
Cộng	68.425.708.039	18.311.365.102

(*) Chi phí hỗ trợ hủy hợp đồng phát sinh trong năm 2024 là các khoản hỗ trợ liên quan đến việc hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại dự án "Nhà ở hỗn hợp Thương mại dịch vụ Định Hòa" của Công ty như đã trình bày tại thuyết minh số 11.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

30. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí hủy bỏ hợp đồng (*)	62.553.255.108	-
Các khoản bị phạt	920.458.128	13.694.020
Các khoản khác	1.948.474	23.672
Cộng	63.475.661.710	13.717.692

(*) Là các khoản chi phí phát sinh khác của dự án "Nhà ở hỗn hợp Thương mại dịch vụ Định Hòa" như đã trình bày tại thuyết minh số 11.

31. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	124.799.403.274	212.795.000.018
Chi phí nhân công	22.371.012.087	34.123.861.868
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.993.826.209	2.638.276.783
Chi phí dịch vụ mua ngoài	39.461.820.426	125.054.768.631
Chi phí khác	2.772.842.539	1.561.465.159
Cộng	191.398.904.535	376.173.372.459

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	66.613.193.573	86.395.879.951
<i>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</i>		
- Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(2.490.000.000)	-
- Trừ: Chi phí đã tính thuế các năm trước	(4.003.543.325)	-
- Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	922.406.602	13.717.692
- Cộng: Chi phí lãi vay loại trừ	1.161.342.481	-
Thu nhập chịu thuế	62.203.399.331	86.409.597.643
- Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	12.440.679.866	17.281.919.529
Thuế TNDN phải nộp bổ sung của các năm trước	2.214.308.699	41.872.522
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	14.654.988.565	17.323.792.051

33. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối liên hệ
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương	Cổ đông lớn sở hữu 48,78% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Đá ốp lát An Bình	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Phố Đà Sơn	Công ty liên kết (Từ ngày 27/12/2024)
Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty là Tổng giám đốc của Công ty này
Bà Nguyễn Thị Kim Thanh	Cổ đông lớn sở hữu 23,67% vốn điều lệ

Ngoài các giao dịch và số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của Báo cáo tài chính này, trong năm Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

Giao dịch với các bên liên quan:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương	-	392.100.381.314
Công ty Cổ phần Đá ốp lát An Bình	37.899.325.100	2.953.620.240
Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP	349.551.411.046	215.818.094.488
Bà Nguyễn Thị Kim Thanh	-	233.037.850.000
Thu nhập khác		
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương	-	12.152.191.780

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc:

Họ và tên	Chức vụ	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ông Nguyễn Bảo Long	Chủ tịch HĐQT	788.800.000	585.000.000
Ông Ngô Anh Quân	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	690.900.000	516.666.667
Bà Nguyễn Thị Thúy Vân	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	635.594.971	459.620.902
Ông Phạm Huy Hậu	Thành viên HĐQT	493.800.000	64.000.000
Bà Nguyễn Thị Loan	Thành viên HĐQT	90.900.000	-
Ông Phạm Hữu Nguyễn	Phó Tổng Giám đốc	525.000.000	452.083.333
Ông Nguyễn Đức Thuận	Phó Tổng Giám đốc	543.881.293	466.297.750
Ông Nguyễn Xuân Cường	Phó Tổng Giám đốc kỹ thuật	157.836.369	427.176.370
Ông Nguyễn Thế Anh	Phó Tổng Giám đốc	-	2.288.520
Cộng		3.926.712.633	2.973.133.542

Thông tin khác

Thủ lao của Ban kiểm soát Công ty chỉ trả trong năm:

Họ và tên	Chức vụ	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ông Hoàng Văn Anh	Trưởng ban kiểm soát	90.900.000	-
Ông Nguyễn Minh Chí	Thành viên BKS	60.600.000	-
Bà Đào Huỳnh Kim	Thành viên BKS	60.600.000	-
Cộng		212.100.000	-

34. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024.

35. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán.

Người lập



Nguyễn Thị Phương Yên

Kế toán trưởng



Phạm Huy Hậu

Bình Dương, ngày 28 tháng 03 năm 2025



Phó Tổng giám đốc
Tài chính

Nguyễn Thị Thúy Vân

Bình Dương, ngày 20 tháng 04 năm 2025

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG ACC
XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**



NGUYỄN BẢO LONG